BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 4382 /QĐ-BNNMT	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông Sê San mùa cạn năm 2026 - 2027

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 141/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị định số 355/2026/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2204/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Sê San thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 210/NQ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ về Kế hoạch hành động thực hiện kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước tại Thông báo số 117-TB/VPTW ngày 04 tháng 7 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về công tác phòng, chống bão, lũ, thiên tai cực đoan và biến đổi khí hậu;

Căn cứ Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 18/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp bảo đảm cung ứng đủ điện phục vụ sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân trong thời gian cao điểm năm 2026 và giai đoạn 2027-2030;

Căn cứ Chỉ thị số 39/CT-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chủ động phòng, chống, ứng phó với các loại hình thiên tai do ảnh hưởng của El Niño năm 2026 - 2027;

Căn cứ Văn bản số 9694/VPCP-NN ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Văn phòng Chính phủ chỉ đạo chủ động ứng phó nguy cơ thiếu hụt nguồn nước do ảnh hưởng của El Niño;

Trên cơ sở các thông tin, số liệu của các Bộ, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước lớn, quan trọng trên lưu vực sông Sê San; Bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn thời hạn mùa trên phạm vi toàn quốc của Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn quốc gia; Báo cáo dự báo El Niño 2026 - 2027, nhận định ban đầu về nguy cơ tác động và đề xuất khung kỹ thuật dự báo dựa trên tác động phục vụ quản trị rủi ro thiên tai [1];

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông Sê San mùa cạn năm 2026 - 2027, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu công bố: phục vụ công tác điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên lưu vực sông, góp phần bảo đảm an ninh nguồn nước cấp cho sinh hoạt, an ninh lương thực, an ninh năng lượng và các nhu cầu thiết yếu khác của người dân trong bối cảnh tác động bởi El Niño.

Làm căn cứ để các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên lưu vực sông, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chỉ đạo việc lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước và các tổ chức, cá nhân quản lý vận hành công trình khai thác, sử dụng nước xây dựng kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với Kịch bản nguồn nước theo quy định tại các khoản 1, 5, 6 Điều 35 Luật Tài nguyên nước năm 2023 và khoản 2 Điều 43 và các khoản 2, 3, 4, 5 Điều 45 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP).

2. Nội dung công bố của Kịch bản nguồn nước theo quy định tại khoản 4 Điều 41 của Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.

3. Kỳ công bố Kịch bản trong mùa cạn năm 2026 - 2027 (từ tháng 11 năm 2026 đến hết tháng 6 năm 2027).

(Chi tiết Kịch bản nguồn nước kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức, thực hiện

1. Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân các tỉnh Gia Lai và Quảng Ngãi trên lưu vực sông Sê San trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chỉ đạo việc lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với Kịch bản nguồn nước ban hành kèm theo Quyết định này.

---

[1] Báo cáo 1145/BC-KTTV ngày 14/7/2026 của Cục Khí tượng Thủy văn.

2. Các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu và phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường để cập nhật Kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông Sê San.

3. Các đơn vị chức năng thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các nội dung cụ thể như sau:

a) Cục Quản lý tài nguyên nước:

- Chủ trì, phối hợp với các Cục: Khí tượng Thủy văn, Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi và Thú y, Văn phòng Thường trực Ủy ban sông Mê Công Việt Nam, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam và Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia căn cứ Kịch bản nguồn nước được công bố, hiện trạng nguồn nước, nhu cầu sử dụng nước, nhận định xu thế khí tượng, thủy văn, tính toán, cập nhật và trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định việc cập nhật Kịch bản nguồn nước trong trường hợp xảy ra diễn biến bất thường về khí tượng, thủy văn hoặc phát sinh các yêu cầu đối với nguồn nước nhằm đảm bảo an ninh nguồn nước cấp cho sinh hoạt, an ninh lương thực, an ninh năng lượng.

- Định kỳ hằng tháng trong mùa cạn năm 2026 - 2027, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường về hiện trạng nguồn nước, đánh giá trạng thái nguồn nước và tình hình triển khai kịch bản nguồn nước đã công bố.

b) Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn chỉ đạo việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt nông thôn phù hợp với Kịch bản nguồn nước ban hành kèm theo Quyết định này theo quy định tại khoản 1, khoản 6 Điều 35 Luật Tài nguyên nước năm 2023 và khoản 2 Điều 43 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.

c) Văn phòng Bộ, Báo Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Cục Quản lý tài nguyên nước để đăng tải Kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông Sê San trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4. Ủy ban sông Mê Công Việt Nam theo dõi, giám sát diễn biến tài nguyên nước, đề xuất cơ quan có thẩm quyền có giải pháp về hoạt động liên quan đến bảo vệ, điều hòa, phân phối, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh Quảng Ngãi và Gia Lai chỉ đạo việc đăng tải Kịch bản nguồn nước trên Cổng thông tin điện tử của địa phương theo quy định tại khoản 6 Điều 41 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng các Cục: Quản lý tài nguyên nước, Khí tượng Thủy văn, Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi và Thú y, Giám đốc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, Tổng giám đốc Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia, Chánh Văn phòng Thường trực Ủy ban sông Mê Công Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- PTTg CP. Hồ Quốc Dũng (để báo cáo);
- Bộ trưởng Trịnh Việt Hùng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Các Bộ: Công Thương, Xây dựng, VHTT&DL;
- UBND các tỉnh: Quảng Ngãi, Gia Lai;
- Các Sở: NN&MT, CT, XD, VHTT&DL các tỉnh: Quảng Ngãi, Gia Lai;
- Đài truyền hình Việt Nam, Đài tiếng nói Việt Nam;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia;
- Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp - Bộ Công Thương;
- Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng - Bộ Xây dựng;
- Báo NN&MT;
- Lưu: VT, VP, PC, TNN (10).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Hoàng Hiệp

KỊCH BẢN NGUỒN NƯỚC TRÊN LƯU VỰC SÔNG SÊ SAN MÙA CẠN NĂM 2026 - 2027

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Kịch bản nguồn nước (KBNN) trên lưu vực sông (LVS) Sê San mùa cạn năm 2026 -2027 được xây dựng trên cơ sở quy định tại Điều 35 của Luật Tài nguyên nước năm 2023; Nghị quyết số 141/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV; Nghị định số 53/2024/NĐ-CP; Nghị định 23/2026/NĐ-CP; Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050[2] và Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Sê San thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050[3]; hiện trạng nguồn nước, hiện trạng tích trữ nước trong các hồ chứa trên lưu vực, nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên nước; nhận định xu thế diễn biến lượng mưa, lượng dòng chảy, mực nước trong các tầng chứa nước và thông tin, số liệu do Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân các tỉnh Gia Lai, Quảng Ngãi và các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước lớn, quan trọng trên LVS Sê San cung cấp.

Phạm vi xây dựng KBNN trên toàn bộ lưu vực sông Sê San thuộc lãnh thổ Việt Nam, được phân chia thành 06 (sáu) tiểu vùng[4], gồm: Thượng Đắk Bla, Hạ Đắk Bla, Thượng Sê San, Trung Sê San, Hạ Sê San, Sa Thầy *(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo KBNN).*

Kỳ công bố KBNN được tính toán, đánh giá trong mùa cạn năm 2026 - 2027 **(từ tháng 11 năm 2026 đến hết tháng 6 năm 2027)**.

Nội dung KBNN thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 41 của Nghị định số 53/2024/NĐ-CP, gồm những nội dung chính sau:

I. HIỆN TRẠNG NGUỒN NƯỚC

1. Hiện trạng nguồn nước mưa, nước mặt

- Tổng lượng mưa (TLM) từ tháng 7-10/2026 trên lưu vực sông Sê San phổ biến xấp xỉ so với trung bình nhiều năm (TBNN[5]), riêng khu vực Sa Thầy cao hơn 10-20% và hạ lưu sông Đắk Bla thấp hơn 10-20% so với TBNN cùng thời kỳ.

So với cùng kỳ năm 2025 và năm 2023, TLM khu vực Thượng Sê San và Trung Sê San phổ biến thấp hơn 10-30%, các khu vực còn lại phổ biến cao hơn từ 15-25%; so với cùng kỳ năm 2019 và năm 2015, TLM trên toàn lưu vực phổ biến cao hơn từ 10-40%.

---

[2] Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ
[3] Quyết định số 2204/QĐ-TTg ngày 27/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ
[4] Theo Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Sê San thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050
[5] TBNN tính từ năm 1991 đến năm 2020

- Tổng lượng dòng chảy từ tháng 7-10/2026 trên sông Đắk Bla (tại trạm Kon Plông, trạm Kon Tum) so với trung bình thời kỳ (TBTK) thấp hơn từ 55-77%, trên sông Pô Kô (tại trạm thủy văn Đắk Mốt) tương đương TBTK.

So với cùng kỳ các năm 2015, 2019, 2023, 2025 tổng lượng dòng chảy trên sông Đắk Bla (tại trạm Kon Plông, trạm Kon Tum) thấp hơn từ 20-74%. Tổng lượng dòng chảy trên sông Pô Kô (tại trạm thủy văn Đắk Mốt) ở mức xấp xỉ và thấp hơn cùng kỳ năm 2019, 2023, 2025 từ 6-30%, cao hơn TBTK năm 2015 khoảng 59%.

2. Hiện trạng nguồn nước dưới đất

Trên LVS Sê San, nước dưới đất tồn tại chủ yếu trong các tầng chứa nước (TCN) lỗ hổng trong trầm tích đệ tứ phân bố theo các dải hẹp dọc các thung lũng sông, suối; các TCN bazan lỗ hổng phân bố trên các cao nguyên, thuộc các tiểu vùng Hạ Sê San và Hạ Đắk Bla; các TCN khe nứt trong trầm tích lục nguyên hoặc đá biến chất phân bố ở các tiểu vùng còn lại[6].

- Đối với các TCN lỗ hổng trong trầm tích đệ tứ (q): theo số liệu quan trắc tại các công trình quan trắc nước dưới đất trên toàn vùng[7], mực nước trung bình tháng 10/2026 phân bố trong khoảng từ 0,6m đến 7,8m (tuỳ vị trí quan trắc), dâng hạ không đáng kể (tuỳ vị trí quan trắc) so với cùng kỳ năm 2025.

- Đối với các TCN bazan lỗ hổng phân bố trên các cao nguyên: mực nước trung bình tháng 10/2026 phân bố trong khoảng từ 1,2-20,9m, dâng hạ không đáng kể (tuỳ vị trí quan trắc) so với cùng kỳ năm 2025.

3. Hiện trạng tích nước của các hồ chứa

3.1. Đối với các hồ chứa thủy lợi

- Trên LVS Sê San có khoảng 135 hồ chứa thủy lợi với tổng dung tích toàn bộ khoảng 125 triệu m^3. Trong đó, có 23 hồ có dung tích từ 1 triệu m^3 trở lên (tổng dung tích toàn bộ khoảng 91 triệu m^3) tập trung chủ yếu trên các tiểu vùng Hạ Sê San, Trung Sê San và Hạ Đắk Bla.

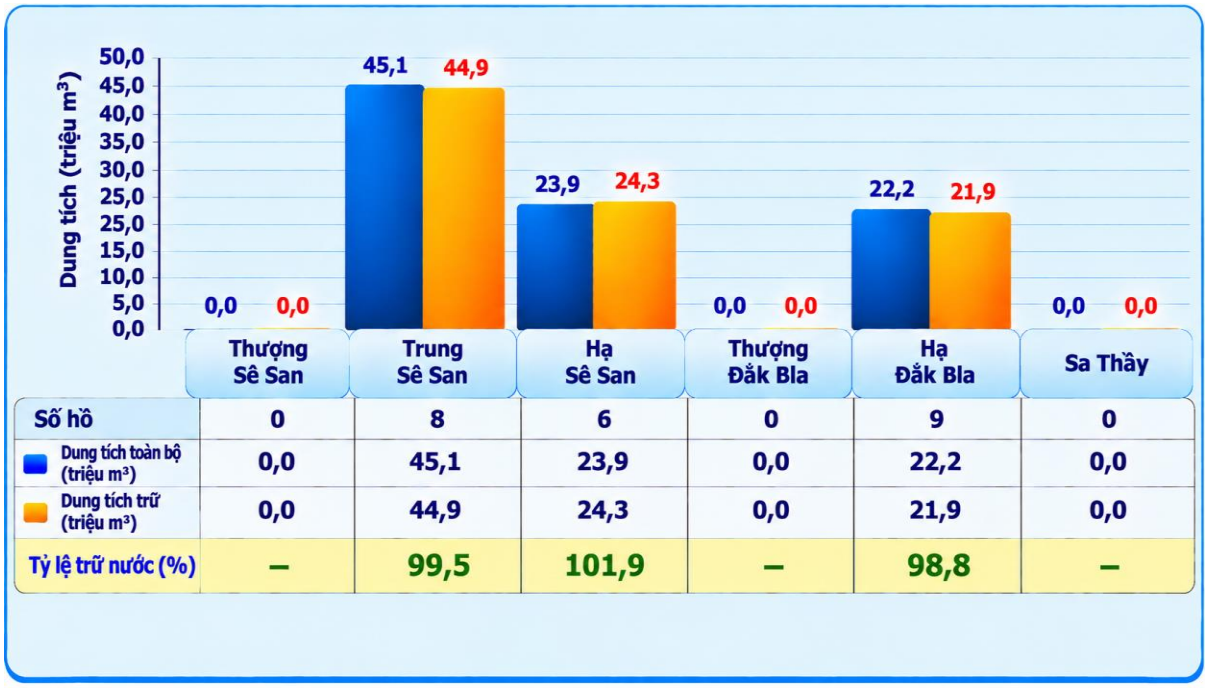
Theo số liệu vận hành từ năm 2015 đến nay, nguồn nước của các hồ chứa thuỷ lợi có dung tích trên 1 triệu m^3 cơ bản đảm bảo nhu cầu cấp nước cho các mục đích sử dụng, như: hồ Đăk Yên, Đăk Kan, Đăk Rơn Ga,… mực nước hồ đều nằm trong và trên vùng "an toàn cấp nước" theo biểu đồ điều phối, một số hồ chứa lớn như Đăk Uy, Biển Hồ B có một số năm mực nước hồ trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến nửa đầu tháng 5 nằm trong vùng hạn chế cấp nước, phải sử dụng một phần dung tích chết để cấp nước tưới.

---

[6] Quyết định số 4355/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2024 về việc ban hành Danh mục nguồn nước dưới đất.

[7] 37 công trình quan trắc nước dưới đất trên LVS Sê San thuộc mạng quan trắc tài nguyên nước quốc gia.

- Tính đến ngày 15/11/2026, dung tích trữ của các hồ chứa trên 1 triệu m^3 hầu hết ở mức trên 95% so với dung tích toàn bộ (chi tiết tại Phụ lục II kèm theo); 02 hồ chứa lớn nhất trên lưu vực là hồ Đăk Uy và Biển Hồ B đều đạt 100% dung tích thiết kế; ngoài ra một số hồ chứa vừa và nhỏ có diện tích tưới lớn, thuộc vùng có nguy cơ xảy ra hạn hán thiếu nước trong các năm gần đây như hồ chứa Đăk Sa Men, Tân Điền, Cà Tiên, Đăk Nui 3, C3, Đăk Rơ Wa, Nước Púi, Chăn Nuôi, Hố Chè, Đăk Hơ Niêng đều đạt 100% dung tích thiết kế; hồ C19 đạt 86% dung tích thiết kế.



	Thượng Sê San	Trung Sê San	Hạ Sê San	Thượng Đắk Bla	Hạ Đắk Bla	Sa Thầy
Số hồ	0	8	6	0	9	0
Dung tích toàn bộ (triệu m^3)	0,0	45,1	23,9	0,0	22,2	0,0
Dung tích trữ (triệu m^3)	0,0	44,9	24,3	0,0	21,9	0,0
Tỷ lệ trữ nước (%)	–	99,5	101,9	–	98,8	–

Hình 1. Hiện trạng tích nước của các hồ chứa thủy lợi trên 01 triệu m^3 trên LVS Sê San

3.2. Đối với các hồ chứa thủy điện

- Trên LVS Sê San có khoảng 51 hồ chứa thủy điện với tổng dung tích toàn bộ khoảng 3,594 tỷ m^3, tổng công suất khoảng 2.555 MW, trong đó 04 hồ chứa thủy điện lớn trên lưu vực, gồm: Ialy, PleiKrông, Sê San 4 và Thượng Kon Tum.

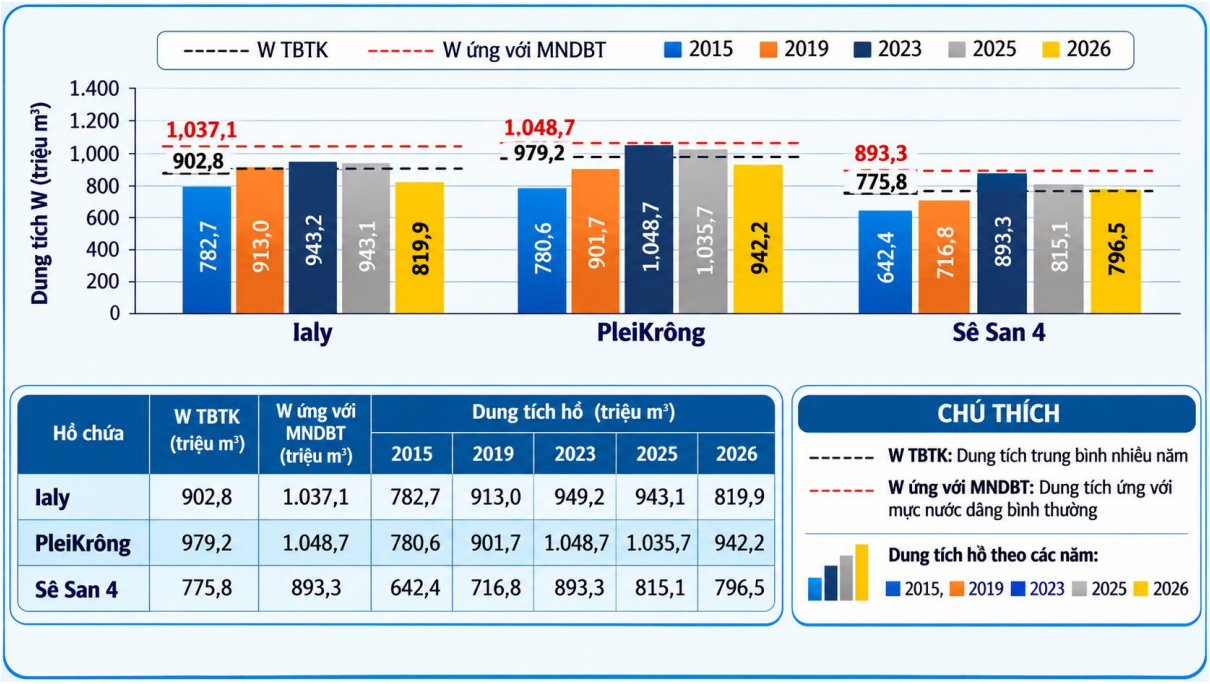
Nguồn nước của 04 hồ chứa nêu trên có vai trò quan trọng phục vụ phát điện tại 08 nhà máy thủy điện trên dòng chính sông Sê San, sông Đăk Bla, bao gồm: nhà máy thủy điện Ialy, Ialy mở rộng, Pleikrông, Sê San 4, Thượng Kon Tum, Sê San 3, Sê San 3A, Sê San 4A với tổng công suất 2.191 MW, chiếm 85,7% tổng công suất các nhà máy thủy điện trên lưu vực, đóng góp hơn 7% tổng công suất thủy điện toàn quốc, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng, ổn định hệ thống điện Quốc gia nói chung và khu vực Cao nguyên Trung Bộ nói riêng. Ngoài ra, nguồn nước của các hồ chứa nêu trên còn có nhiệm vụ phối hợp

vận hành để đảm bảo duy trì lưu lượng trung bình ngày ở hạ du hồ Sê San 4 không nhỏ hơn 195 m^3/s[8].

- Tính đến ngày 15/11/2026, tổng lượng nước tích trữ được trong 03 hồ chứa Ialy, PleiKrông, Sê San 4 khoảng 2,558 tỷ m^3, đạt khoảng 86% so với dung tích toàn bộ (2,98 tỷ m^3) xấp xỉ năm 2019, thấp hơn TBTK, năm 2023, năm 2025 từ 4-12%.

Bảng 1. Hiện trạng tích trữ tại 03 hồ chứa thủy điện lớn

STT	Tên hồ chứa	MNDBT (m)	Mực nước hồ (m)	Dung tích toàn bộ	Dung tích hồ ngày 15/11 (triệu m^3)					
					Hiện tại	TBTK	Năm 2015	Năm 2019	Năm 2023	Năm 2025
1	Ialy	515	511.24	1.037,1	819,9	902,8	782,7	913,0	949,2	943,1
2	PleiKrông	570	567.93	1.048,7	942,2	979,2	780,6	901,7	1.048,7	1.035,7
3	Sê San 4	215	214.05	893,3	796,5	775,8	642,4	716,8	893,3	815,1
	Tổng			**2.979,1**	**2.558,6**	**2.657,8**	**2.205,6**	**2.531,5**	**2.891,2**	**2.793,9**



Hình 2. Hiện trạng các hồ chứa thủy điện lớn trên lưu vực sông Sê San

II. DỰ BÁO XU THẾ DIỄN BIẾN MƯA, DÒNG CHẢY, LƯỢNG NƯỚC TÍCH TRỮ TRONG CÁC HỒ CHỨA NƯỚC LỚN, QUAN TRỌNG; MỰC NƯỚC TRONG CÁC TẦNG CHỨA NƯỚC

1. Xu thế thời tiết

- Hiện tại, hiện tượng ENSO đang trong trạng thái El Niño với cường độ rất mạnh. Trong thời kỳ từ tháng 11/2026 đến tháng 01/2027, trạng thái El Niño

[8] Theo Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Sê San (Quyết định số 2224/QĐ-TTg ngày 13/11/2026)

tiếp tục duy trì cường độ rất mạnh với xác suất rất cao ở mức 96%. Từ tháng 02-4/2027, El Niño tiếp tục duy trì nhưng có xu hướng suy yếu về cường độ và có khả năng ở cường độ trung bình đến mạnh với xác suất tương ứng là 44% và 32%. Sau đó El Niño có khả năng tiếp tục suy yếu nhưng vẫn duy trì đến nửa đầu mùa hè năm 2027 trước khi dần trở lại trạng thái trung tính.

- Nắng nóng trên khu vực có khả năng xuất hiện cục bộ từ khoảng cuối tháng 3/2027, sau đó có khả năng gia tăng về cường độ và tần suất trong tháng 4-5/2027. Nhiệt độ trong mùa cạn năm 2026-2027 phổ biến cao hơn từ 1,0-2,0^{0}C so với TBNN cùng thời kỳ. Mùa mưa trên lưu vực sông có xu hướng bắt đầu muộn hơn từ khoảng giữa tháng 5/2027.

2. Xu thế diễn biến lượng mưa, dòng chảy

- TLM trên LVS Sê San từ tháng 11/2026-6/2027 phổ biến thấp hơn TBNN từ 20-50%, cụ thể: từ tháng 11/2026-02/2027 thấp hơn từ 30-50%, từ tháng 3-6/2027 thấp hơn từ 20-35%.

- Tổng lượng dòng chảy từ tháng 11/2026-6/2027 trên sông Pô Kô (hồ PleiKrông) có xu thế thấp hơn TBTK và năm 2023-2024 từ 30-35%; so với năm 2015-2016 và năm 2019-2020 phổ biến cao hơn từ 2-5%.

- Tổng lượng dòng chảy trên sông Sê San (hồ Ialy, Sê San 4) có xu thế xấp xỉ và thấp hơn TBTK và năm 2023-2024 từ 25-30%, xấp xỉ năm 2019-2020; so với năm 2015-2016 cao hơn từ 15-20%.

- Tổng lượng dòng chảy trên sông Đắk Bla tại trạm Kon Plong có xu thế thấp hơn TBTK, năm 2015-2016, năm 2019-2020, năm 2023-2024 từ 30-50%; tại trạm Đắk Mốt thấp hơn TBTK và năm 2019-2020 và năm 2023-2024 từ 5-25%, cao hơn so với năm 2015-2016 khoảng 20%; tại trạm Kon Tum thấp hơn TBTK và các năm cạn điển hình từ 30-75%.

3. Mực nước trong các tầng chứa nước dưới đất

Kết quả dự báo mực nước thời kỳ từ tháng 11/2026-6/2027 trên lưu vực sông Sê San cho thấy:

- *Đối với các TCN lỗ hổng (q):* Độ sâu mực nước dưới đất dự báo dao động trong khoảng 0,9-9,2 m, xấp xỉ so với cùng kỳ năm 2025-2026. Tuy nhiên, mực nước dự báo có khả năng duy trì ở độ sâu lớn trong thời gian dài hơn, đặc biệt vào cuối mùa cạn.

- *Đối với các TCN bazan lỗ hổng (β_{qp} và B_{n^2qp})*: Độ sâu mực nước dưới đất dự báo dao động trong khoảng 1,3-20,3 m, xấp xỉ so với cùng kỳ năm 2025-2026. Tuy nhiên, mực nước dự báo có khả năng duy trì ở độ sâu lớn trong thời gian dài hơn, đặc biệt tại các khu vực khai thác tập trung và vào cuối mùa cạn.

III. NHU CẦU KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC CỦA CÁC NGÀNH TRONG KỲ CÔNG BỐ KỊCH BẢN

Nhu cầu về nguồn nước của một số ngành sử dụng nước chính trên lưu vực trong kỳ công bố KBNN như sau:

1. Nhu cầu nước cho sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh - dịch vụ

- Nhu cầu nước cấp cho sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh - dịch vụ qua các công trình khai thác nước tập trung từ tháng 11/2026-6/2027 khoảng 30,8 triệu m^3 (tương ứng khoảng 146.200 m^3/ngày đêm), trong đó tổng lượng nước cấp cho sinh hoạt khoảng 98.000 m^3/ngày đêm.

Ngoài ra, trên lưu vực còn rất nhiều công trình cấp nước tự chảy sử dụng nguồn nước mặt, các giếng khai thác nguồn nước dưới đất ở quy mô đơn lẻ và giếng khai thác nông thôn phục vụ nhu cầu sinh hoạt, sản xuất của người dân (khoảng 10 triệu m^3).

- Các công trình cấp nước tập trung cấp cho sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh - dịch vụ khai thác nguồn nước mặt chiếm 89% và nước dưới đất chiếm 11%. Trong đó, lượng nước cấp từ các hồ chứa, đập dâng khoảng 43.750 m^3/ngày đêm, chiếm tỷ lệ 30% tổng nhu cầu cấp cho sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh - dịch vụ trên lưu vực.

Tỷ lệ công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung[9] sử dụng bền vững chiếm từ 23-34%, công trình sử dụng tương đối bền vững chiếm tỷ lệ 27-36%; công trình sử dụng không bền vững chiếm tỷ lệ 11-16% và công trình không hoạt động chiếm tỷ lệ 23-30%. Các công trình hoạt động kém bền vững và không hoạt động chủ yếu có quy mô công suất nhỏ (dưới 50m^3/ngày đêm).

Một số hồ chứa thủy lợi có vai trò quan trọng trong việc cấp nước, tạo nguồn cấp nước cho sinh hoạt, nông nghiệp, sản xuất, kinh doanh dịch vụ trên lưu vực sông, gồm: Đăk Tráp, Lạc Long Quân, Đăk Rơn Ga, Đăk Chà Mòn 1, Đăk Long, Đăk Rô Gia, Ia Tun, Đập Đăk Cấm, Đăk Pokei, Ya Hiur, Đăk Uy thuộc tỉnh Quảng Ngãi và Biển Hồ A thuộc tỉnh Gia Lai.

2. Nhu cầu nước cho nông nghiệp

Nhu cầu nước cho nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn nhất trong các ngành dùng nước trên lưu vực, với tổng nhu cầu nước trong mùa cạn năm 2027 khoảng 558 triệu m^3 (tương ứng diện tích gieo trồng lúa, cây hàng năm khoảng hơn 16.000 ha và gần 89.000 ha cây lâu năm).

Nhu cầu nước được cấp từ hệ thống các công trình thủy lợi khoảng 190

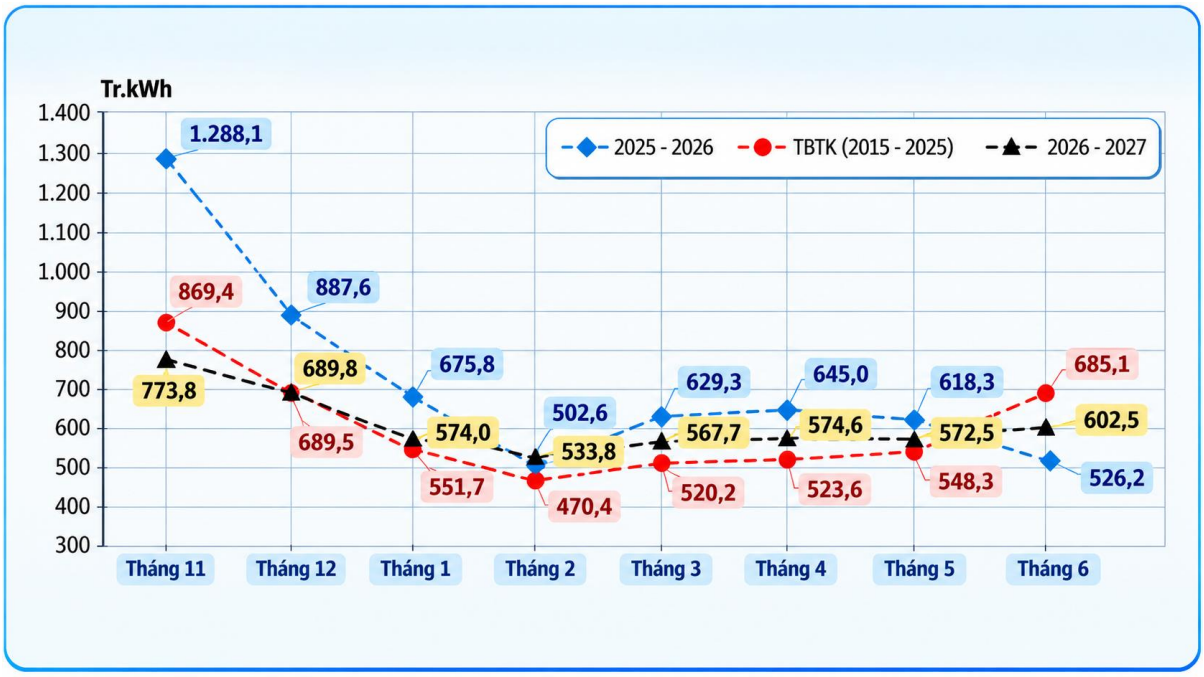
---

[9] Trên địa bàn tỉnh Kon Tum (cũ) có khoảng 360 công trình cấp nước tập trung nông thôn (347 công trình khai thác nước mặt, 13 công trình khai thác nước dưới đất); toàn tỉnh Gia Lai (cũ) có khoảng 318 công trình cấp nước tập trung nông thôn (180 công trình khai thác nước mặt, 138 công trình khai thác nước dưới đất);

triệu m^3 **(chiếm khoảng 34%)**, đáp ứng khoảng 74% nhu cầu tưới lúa (khoảng 8.200 ha), 21% cho cây hàng năm khác (khoảng 930 ha) và 19% cho cây lâu năm (khoảng 16.750 ha). Phần diện tích đất trồng cây hàng năm, cây lâu năm như cà phê, hồ tiêu,… chủ yếu được đáp ứng từ nguồn nước mưa và các công trình khai thác nước dưới đất và nước mặt nhỏ lẻ khác.

3. Nhu cầu nước cho thủy điện

Theo kế hoạch, tổng nhu cầu nước phục vụ sản xuất thủy điện của 08 nhà máy thủy điện lớn [10] từ tháng 11/2026 đến tháng 6/2027 khoảng 27,4 tỷ m^3 (tương đương sản lượng điện 4.918 triệu kWh), cao hơn khoảng 5% so với TBTK 2015-2026 (25,8 tỷ m^3 tương đương 4.382 triệu kWh), thấp hơn 13% so với cùng thời kỳ năm 2025 - 2026 (31,3 tỷ m^3 tương đương 5.802 triệu kWh). So với các năm cạn điển hình, nhu cầu nước dự kiến cho thủy điện đều ở mức cao hơn, cụ thể: so với năm 2019-2020 khoảng 40%, so với năm 2023-2024 khoảng 9%.



Hình 3. Nhu cầu phát điện của các nhà máy thủy điện lớn thuộc Quy trình vận hành liên hồ chứa trên LVS Sê San từ tháng 11/2026-6/2027

4. Mối liên hệ giữa các nhu cầu sử dụng nước với việc điều tiết nước của các hồ chứa thủy điện lớn trên lưu vực

Nguồn nước của các hồ chứa thủy điện lớn trên dòng chính sông Sê San như: hồ Ialy, PleiKrông, Sê San 4, Sê San 3 và Sê San 3A chủ yếu có nhiệm vụ điều tiết cấp nước cho phát điện, đảm bảo an ninh năng lượng và đảm bảo không

[10] Ialy (720MW) + Ialy mở rộng (360MW), Pleikrông (100MW), Sê San 3 (260MW), Sê San 3A (108MW), Sê San 4 (360MW), Sê San 4A (63 MW), Thượng Kon Tum (220MW)

gây biến động dòng chảy ở hạ du phía Campuchia. Trong đó 03 hồ là Ialy, PleiKrông và Sê San 4 có vai trò chính cấp nước phục vụ phát điện, ngoài ra còn có nhiệm vụ cấp nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp, cụ thể:

- Nguồn nước hồ Ialy phục vụ cấp nước cho công trình cấp nước sinh hoạt huyện Chư Păh (công suất 1.200 m^3/ngày đêm, chưa đi vào vận hành) và tạo nguồn cho các trạm bơm Đăk Lếch, Măng La, Vinh Quang, Tà Rộp, Tà Wắc phía thượng lưu hồ cấp nước cho sản xuất nông nghiệp thuộc vùng bán ngập lòng hồ thủy điện Ialy (diện tích tưới thiết kế khoảng 723 ha).

- Nguồn nước hồ PleiKrông phục vụ cấp nước cho công trình cấp nước sinh hoạt thị trấn Sa Thầy (công suất 5.100 m^3/ngày đêm, đã vận hành).

- Nguồn nước hồ Sê San 4 phục vụ cấp nước cho công trình cấp nước sinh hoạt xã Ia O (công suất 1.000 m^3/ngày đêm, chưa đi vào vận hành).

Các công trình cấp nước sinh hoạt và trạm bơm phục vụ sản xuất nông nghiệp nêu trên đều khai thác nguồn nước phía thượng lưu các hồ, phụ thuộc dao động mực nước hồ. Trong các tháng mùa cạn, đặc biệt mùa cạn các năm xảy ra hạn hán, thiếu nước, khi mực nước hồ xuống thấp ảnh hưởng đến cao trình lấy nước đã gây khó khăn cho việc lấy nước của các trạm bơm. Để đảm bảo nhu cầu cấp nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, bên cạnh việc điều tiết đảm bảo mực nước tối thiểu của các hồ chứa tạo thuận lợi cho các trạm bơm khai thác cần phối hợp triển khai đồng bộ, tổng thể các giải pháp công trình, phi công trình để chủ động khai thác nguồn nước trong hồ, đặc biệt khi mực nước hồ hạ thấp.

Riêng hồ Thượng Kon Tum phát điện, chuyển nước sang lưu vực sông Trà Khúc nên chỉ duy trì dòng chảy tối thiểu về phía hạ du trong mùa cạn, góp phần cấp nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp thông qua đập thủy lợi Đăk Snghé và các trạm bơm khai thác dọc sông Đăk Snghé và sông Đăk Bla.

Ngoài nhu cầu sử dụng nước cho nông nghiệp, sinh hoạt, sản xuất,… khai thác nguồn nước thượng lưu hồ Ialy, PleiKrông, Sê San và hạ du hồ chứa Thượng Kon Tum thì phần lớn nhu cầu nước cấp cho nông nghiệp, sinh hoạt, sản xuất được khai thác từ các hồ chứa thủy lợi, dòng chảy trên các sông, suối, nguồn nước dưới đất và nước mưa ở các khu vực, tiểu vùng nằm ngoài phạm vi điều tiết của các hồ chứa thủy điện lớn nêu trên. Vì vậy, nhu cầu sử dụng nước cho nông nghiệp, sinh hoạt, sản xuất,…trên lưu vực phụ thuộc vào chế độ điều tiết của các hồ Ialy, PleiKrông, Sê San 4, Sê San 3, Sê San 3A và Thượng Kon Tum là không đáng kể.

IV. NHẬN ĐỊNH TRẠNG THÁI CỦA NGUỒN NƯỚC

Để đánh giá mức độ đáp ứng của nguồn nước cấp cho sinh hoạt, nông nghiệp, thủy điện, sản xuất, kinh doanh - dịch vụ, các nhu cầu sử dụng nước khác và các yêu cầu về đảm bảo an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, an ninh năng lượng nhằm giảm thiểu mức độ thiếu nước do việc khai thác, sử dụng nước không hiệu quả, lãng phí, KBNN mùa cạn năm 2026-2027 được tính toán, đánh giá theo các vùng, các nguồn nước, cụ thể như sau:

(i) Mức độ đáp ứng của nguồn nước của 03 hồ Ialy, Pleikrông, Sê San 4 cho nhu cầu phát điện, nhu cầu sử dụng nước khác ở hạ du, có xét đến yêu cầu duy trì dòng chảy hạ du sông Sê San.

(ii) Mức độ đáp ứng của nguồn nước trên các tiểu vùng cho các nhu cầu sinh hoạt, nông nghiệp, sản xuất, kinh doanh - dịch vụ (nằm ngoài phạm vi điều tiết của 03 hồ Ialy, Pleikrông, Sê San 4).

1. Đối với 03 hồ chứa thuỷ điện lớn trên lưu vực

1.1. Vai trò của các hồ

- Trên lưu vực sông Sê San, nguồn nước của 03 hồ chứa Ialy, PleiKrông và Sê San 4 khoảng 2,98 tỷ m^3, chiếm 83% tổng dung tích các hồ chứa thủy điện trên lưu vực. Xét về quy mô công suất, tổng các nhà máy thủy điện khai thác nguồn nước 03 hồ chứa nêu trên là 1540 MW, chiếm hơn 60% tổng công suất phát điện của các nhà máy thủy điện trên lưu vực. Là 03 hồ có vai trò chính trong điều tiết nguồn nước trên dòng chính sông Sê San cùng với các hồ chứa Sê San 3, Sê San 3A và hồ điều hòa Sê San 4A có nhiệm vụ chính điều tiết cấp nước cho phát điện, đảm bảo an ninh năng lượng và đảm bảo không gây biến động dòng chảy ở hạ du phía Campuchia với lưu lượng xả trung bình ngày không nhỏ hơn 195 m^3/s.

- Trong Hệ thống điện Quốc gia, nguồn nước hồ Ialy phục vụ phát điện cho 02 nhà máy thủy điện Ialy và Ialy mở rộng, đây là các nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu[11], đóng vai trò quan trọng trong việc điều tần, bảo đảm an toàn, ổn định cho hệ thống điện Quốc gia nói chung và khu vực cao nguyên Trung Bộ nói riêng, bổ sung nguồn cho miền Bắc qua lưới điện 500 kV.

1.2. Kịch bản sử dụng nước cho thủy điện và khả năng đảm bảo dòng chảy phía hạ du

[11] Quyết định số 637/QĐ-TTg ngày 07/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ

Trên cơ sở hiện trạng, dự báo nguồn nước, các yêu cầu về điều tiết nguồn nước, đánh giá mức độ, khả năng đáp ứng, các rủi ro sẽ xảy ra đối với nguồn nước của 03 hồ thủy điện theo các kịch bản sử dụng nước, diễn biến nguồn nước và ảnh hưởng của El Niño như sau:

- *Trường hợp 1:* nhu cầu phát điện dự kiến, nhu cầu sử dụng nước khác ở hạ du và có xét đến yêu cầu duy trì dòng chảy ở hạ du sông Sê San phía Campuchia (hạ du hồ Sê San 4) với lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn 195 m^3/s.

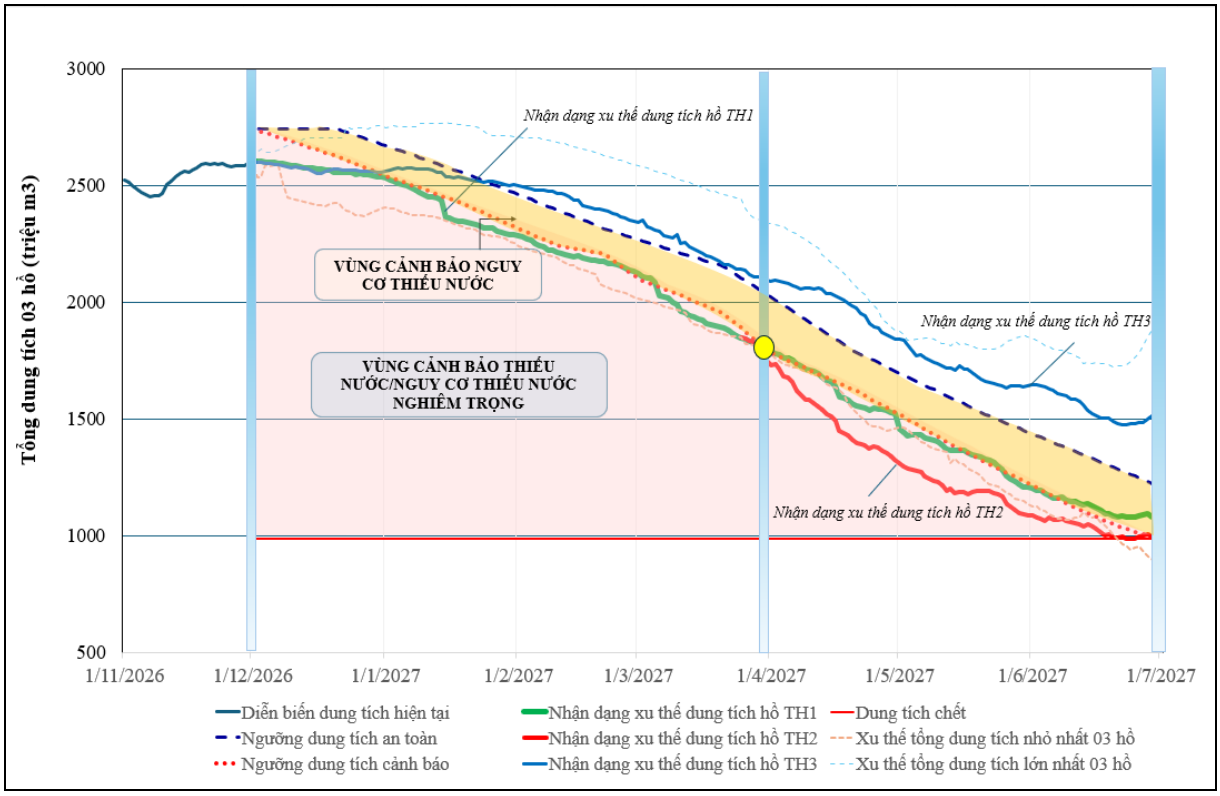
- *Trường hợp 2:* nhu cầu sử dụng nước khác ở hạ du và có xét đến yêu cầu duy trì dòng chảy ở hạ du sông Sê San phía Campuchia (hạ du hồ Sê San 4) với lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn 195 m^3/s; nguy cơ gia tăng vào các tháng 4, 5 và 6 do nắng nóng cao điểm và đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế xã hội và vào các tháng mùa cạn 2027 có khả năng gia tăng mức độ thiếu hụt (tương tự các năm 2015-2016, 2019-2020).

- *Trường hợp 3:* nhu cầu sử dụng nước khác ở hạ du và có xét đến yêu cầu duy trì dòng chảy ở hạ du sông Sê San phía Campuchia (hạ du hồ Sê San 4) với lưu lượng trung bình ngày 90 m^3/s; nguy cơ gia tăng vào các tháng 4, 5 và 6 do nắng nóng cao điểm và đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế xã hội và vào các tháng 4, 5, 6 có khả năng gia tăng mức độ thiếu hụt (tương tự các năm 2015-2016, 2019-2020).

1.3. Đánh giá mức độ, khả năng đáp ứng nguồn nước của 03 hồ về lượng theo các kịch bản sử dụng nước

- Tổng dung tích 03 hồ chứa nhận định đến ngày 01/12/2026 (thời điểm đầu mùa cạn) khoảng 2,59 tỷ m^3 (tương đương dung tích đầu mùa cạn năm 2019, thiếu hụt khoảng 5% so với dung tích trung bình thời kỳ 2015-2025).

- Với nhu cầu phát điện dự kiến, nhu cầu sử dụng nước khác ở hạ du và có xét đến yêu cầu duy trì dòng chảy ở hạ du sông Sê San phía Campuchia (hạ du hồ Sê San 4) với lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn 195 m^3/s thì nguồn nước 03 hồ không thể đáp ứng đầy đủ cho nhu cầu phát điện, yêu cầu duy trì dòng chảy hạ du sông Sê San với lưu lượng trung bình ngày không nhỏ hơn 195 m^3/s trong cả mùa cạn. Trường hợp nhu cầu phát điện tăng cao trong các tháng 4, 5, 6/2027 cũng là thời kỳ cao điểm nắng nóng trên lưu vực thì nguồn nước của 03 hồ chứa có nguy cơ cao đến cuối tháng 6/2027 về mực nước chết, hệ thống các hồ chứa thủy điện trên lưu vực sông Sê San không còn khả năng đáp ứng yêu cầu của hệ thống điện.



Hình 4. Nhận định xu thế diễn biến tổng dung tích 03 hồ chứa lớn

2. Đối với các tiểu vùng trên lưu vực sông Sê San

Với đặc điểm địa hình, hệ thống sông, suối nhỏ hẹp, độ dốc lớn nên khả năng giữ nước rất hạn chế, cùng với đó là các điều kiện bất lợi về nắng nóng, nhiệt độ, lượng mưa trong các tháng mùa cạn như nêu trên, ***nguy cơ thiếu nước hoặc thiếu nước nghiêm trọng*** có thể xảy ra cục bộ tại một số khu vực thuộc các tiểu vùng, đặc biệt là các khu vực có hệ thống công trình thủy lợi còn thiếu, chưa đồng bộ, hồ chứa có dung tích nhỏ và các khu vực ngoài phạm vi cấp nước của hồ chứa phụ thuộc chủ yếu vào nguồn nước mưa, cụ thể như sau:

2.1. Tiểu vùng Thượng Đắk Bla

- Là một trong số các tiểu vùng có số lượng hồ chứa thủy lợi ít nhất trên lưu vực, các hồ đều có dung tích dưới 01 triệu m^3, chủ yếu là các đập dâng trên các sông, suối nhỏ.

Trong các tháng mùa cạn nguy cơ dòng chảy trên các sông, suối cạn kiệt ảnh hưởng đến khả năng cấp nước của các hồ, đập, thiếu nước có thể xuất hiện trong thời gian từ tháng 3-5/2027 là thời điểm cuối vụ Đông Xuân và đầu vụ Hè Thu thuộc phạm vi tưới của một số công trình hồ chứa đập dâng nhỏ trong vùng, nhất là ***phạm vi tưới của đập Đăk Tơ Lung thuộc xã Đăk Kôi, khu tưới xã Kon Braih.***

- Sông Đăk Snghé, sông Đăk Bla là nguồn nước có vai trò quan trọng trên tiểu vùng cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp của người dân thông qua

đập thủy lợi Đăk SNghé (là công trình thủy lợi có diện tích tưới lớn nhất trên tiểu vùng, khoảng 130 ha) ***và các trạm bơm dã chiến của người dân*** dọc hai bên bờ sông và cung cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất của công trình cấp nước sinh hoạt Kon Tum, cấp nước sinh hoạt xã Tân Lập - Đăk Ruồng, nhà máy đường Kon Tum, Nhà máy chế biến tinh bột sắn,…

- Về cơ bản, nếu điều chỉnh chế độ vận hành các công trình khai thác, sử dụng nước như đập thủy lợi Đăk Snghé, các trạm bơm dã chiến trên sông phù hợp với chế độ vận hành của các hồ chứa thủy điện phía thượng lưu, tận dụng thời gian thủy điện phía thượng lưu xả nước phát điện để cấp nước tưới thì ***nguồn nước trên sông Đăk Snghé, sông Đăk Bla đảm bảo đáp ứng các nhu cầu sử dụng nước thuộc phạm vi cấp nước***.

- Ngoài ra, nguy cơ cao xảy ra thiếu nước cho sản xuất nông nghiệp trong mùa cạn đối với các khu vực tưới nằm ngoài phạm vi tưới của công trình thủy lợi, nguồn nước tưới phụ thuộc vào nước mưa, nước dưới đất và nước mặt trên sông, suối, đặc biệt tại một số khu vực tại *các xã* ***Kon Braih, Đak Rve, Đăk Kôi*** *thuộc tỉnh Quảng Ngãi và* nguy cơ thiếu nước cấp cho sinh hoạt có thể xảy ra cục bộ tại các khu vực chưa có công trình cấp nước, đặc biệt ở những vùng khan hiếm thuộc ***xã Đăk Kôi, xã Măng Đen, xã Kon Braih.***

- Nguồn nước dưới đất trên tiểu vùng có tiềm năng khai thác tương đối hạn chế, khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, có thể khai thác với quy mô nhỏ trong các TCN để bổ sung, phục vụ cấp nước sinh hoạt, sản xuất cho người dân tại các xã có nguy cơ thiếu nước nêu trên, một số khu vực tại các xã Măng Đen, Măng Ri, tỉnh Quảng Ngãi có thể gia tăng khai thác nước dưới đất nếu có nhu cầu.

Ngoài ra, trên địa bàn thuộc vùng khan hiếm nước của xã Đăk Kôi, xã Măng Đen đã thực hiện điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất để cung cấp nước sinh hoạt, do đó có thể rà soát, đánh giá khả năng khai thác và thổi rửa các giếng khoan để sẵn sàng khai thác, cấp nước cho sinh hoạt của nhân dân khi xảy ra hạn hán, thiếu nước.

2.2. Tiểu vùng Hạ Đắk Bla

- Toàn vùng có 9 hồ chứa có dung tích toàn bộ từ 1 triệu m^3 trở lên, hơn 20 hồ chứa nhỏ và các đập dâng, trạm bơm thủy lợi phục vụ cấp nước tưới. Hiện trạng dung tích các hồ Đăk Loy, Đăk Sa Men, Chà Mòn I, Ia Bang Thượng đã tích được 100% dung tích toàn bộ, các hồ còn lại đạt trên 95% dung tích toàn bộ, về cơ bản đáp ứng các nhu cầu sử dụng nước thuộc phạm vi cấp nước.

Tuy nhiên, nguy cơ thiếu nước có thể xảy ra đối với diện tích tưới thuộc phạm vi tưới của một số công trình hồ chứa, đập dâng nhỏ trong vùng, như: hồ C3, đập Đăk Pô Công, hồ Đăk Sa Men, hồ Tân Điền, hồ Cà Tiên, hồ Đăk Rơ

Wa, đập Đăk Cấm, đập Đăk Tía, đập Đăk Ka Well, đập Đăk Pô Công, đập Đăk Gur, đập Đăk Tà Lùng, đập Đăk Căm, đập Ông Phiêu, đập Đăk Xe, khu tưới xã Đăk Hà.

- Tiểu vùng Hạ Đắk Bla có 6 trạm bơm điện[12] (Kroong, Đăk Lếch, Măng La, Vinh Quang, Tà Rộp, Tà Wắc) của Công ty TNHHMTV KTCTTL Kon Tum quản lý, vận hành, lấy nước từ sông Đăk Bla thuộc lòng hồ thuỷ điện Ialy để cấp nước tưới cho diện tích theo thiết kế là 723ha.

Trong các tháng cuối vụ Đông Xuân và đầu vụ Hè Thu khi mực nước hồ Ialy xuống thấp hơn cao trình đáy bể hút[13] của các trạm bơm thì có nguy cơ xảy ra thiếu nước thuộc phạm vi tưới của các trạm bơm. Tuy nhiên, để đảm bảo việc khai thác nước của các trạm bơm được chủ động cần chuẩn bị trang, thiết bị, phương án vận hành để nâng cao khả năng bơm hút nước kể cả khi mực nước hồ Ialy thấp hơn cao trình đáy bể hút.

- Ngoài ra, nguy cơ cao xảy ra thiếu nước cho sản xuất nông nghiệp trong mùa cạn đối với các khu vực tưới nằm ngoài phạm vi tưới của công trình thủy lợi, nguồn nước tưới phụ thuộc vào nước mưa, nước dưới đất và nước mặt trên sông, suối, đặc biệt tại một số khu vực tại các ***xã Kon Braih, xã Ia Khươl, Ngọk Réo, Đăk Rơ Wa, Ngọk Bay, phường Đăk Bla, Ia Chim, Đăk Cấm thuộc tỉnh Quảng Ngãi***.

Các khu vực có diện tích trồng cây công nghiệp (cà phê) tương đối lớn nhưng diện tích được tưới thuộc phạm vi công trình thủy lợi chỉ chiếm khoảng 3-5% có nguy cơ cao thiếu nước, như: tại ***Phường Thống Nhất, phường An Phú, phường Pleiku, phường Hội Phú, xã Biển Hồ, xã Đak Đoa, xã Kon Gang, xã Ia Băng, xã Kdang, xã Đak Sơmei thuộc tỉnh Gia Lai.***

- Nguồn nước dưới đất trên tiểu vùng có tiềm năng khai thác tương đối hạn chế, khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, chỉ có thể khai thác với quy mô công trình nhỏ đến vừa trong trường hợp cần thiết tại một số khu vực thuộc các xã *Chư Păh, phường Pleiku, phường Thống Nhất, Biển Hồ thuộc tỉnh Gia Lai, xã Đăk Rơ Wa thuộc tỉnh Quảng Ngãi*. Có thể xem xét, gia tăng khai thác tại một số khu vực khác thuộc các xã *Đắk Đoa, Ia Băng, phường An Phú, Kon Gang thuộc tỉnh Gia Lai và Ia Chim, Ngọc Bay, Đắk Hà, Kon Tum, Đắk Bla thuộc tỉnh Quảng Ngãi.*

Ngoài ra, trên địa bàn thuộc vùng khan hiếm nước của xã ***Đăk Hà, Kon Braih, Đăk Rơ Wa, Ia Bang*** đã thực hiện điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới

---

[12] Thời gian sản xuất vụ Đông Xuân: Đăk Lếch (13/3-13/5), Măng La (17/02-13/5), Vinh Quang (10/01-13/5); Tà Rộp (17/02-13/5), Tà Wắc (17/02-13/5)

[13] Cao trình đáy bể hút: Đăk Lếch (+504,30m), Măng La (+507,10m), Vinh Quang (+506,50m), Tà Rộp (+504,80m), Tà Wắc (+505,60m)

đất để cung cấp nước sinh hoạt, do đó có thể rà soát, đánh giá khả năng khai thác và thổi rửa các giếng khoan để sẵn sàng khai thác, cấp nước cho sinh hoạt của nhân dân khi xảy ra hạn hán, thiếu nước.

2.3. Tiểu vùng Thượng Sê San

- Tiểu vùng Thượng Sê San chủ yếu là các đập dâng phục vụ tưới, các hồ chứa có dung tích dưới 1 triệu m^3, mặc dù hồ chứa Blốc 1 và Blốc 2 có dung tích toàn bộ lớn hơn 01 triệu m^3 trở lên, tuy nhiên do phạm vi tưới thuộc khu vực lòng hồ nên hồ không được tích đến mực nước dâng bình thường, lượng nước tích trữ trong hồ hằng năm không đạt 1 triệu m^3. Hiện trạng nguồn nước các hồ chứa thủy lợi cơ bản đáp ứng được nhu cầu sử dụng nước của vùng.

Tuy nhiên, nguy cơ thiếu nước vẫn có thể xảy ra đối với diện tích tưới thuộc phạm vi tưới của một số công trình hồ chứa, đập dâng nhỏ trong vùng thuộc các ***xã Đăk Long, Đăk Môn, Đăk Sao.***

- Đối với các khu vực nằm ngoài phạm vi tưới của công trình thủy lợi có nguy cơ thiếu nước cao, các khu vực có diện tích trồng công nghiệp (cà phê) tương đối lớn nhưng diện tích được tưới thuộc phạm vi công trình thủy lợi chỉ chiếm khoảng 5-10% có nguy cơ cao thiếu nước, như: tại ***xã Xốp, xã Đăk Plô, xã Đăk Pék, xã Đăk Môn.***

- Ngoài ra, nguồn nước dưới đất thuộc địa bàn các ***xã Đăk Pék, Đăk Sao, Đăk Môn*** đã thực hiện điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất để cung cấp nước sinh hoạt , do đó có thể rà soát, đánh giá khả năng khai thác và thổi rửa các giếng khoan để sẵn sàng khai thác, cấp nước cho sinh hoạt của nhân dân khi xảy ra hạn hán, thiếu nước.

2.4. Tiểu vùng Trung Sê San

- Tiểu vùng Trung Sê San là tiểu vùng tập trung số lượng lớn các hồ chứa thủy lợi trên lưu vực (chiếm 36%), có 9 hồ chứa có dung tích toàn bộ từ 01 triệu m^3 trở lên và các đập dâng thủy lợi phục vụ cấp nước tưới.

Đến thời điểm hiện tại, dung tích một số hồ chứa lớn như hồ Đăk Uy, Đăk Kan, Đak Prông, Đăk Hơ Na, Đak Hơ Niêng, 6A đã tích được 100% dung tích toàn bộ, hồ Đăk Rơn Ga tích được 97% và hồ Đăk Trang tích được 91% và về cơ bản đáp ứng các nhu cầu sử dụng nước thuộc phạm vi cấp nước.

Tuy nhiên, nguy cơ thiếu nước vẫn có thể xảy ra đối với diện tích tưới thuộc phạm vi tưới của một số công trình hồ chứa, đập dâng nhỏ trong vùng, như: hồ Đăk Nui 3, hồ Nước Púi, hồ Chăn Nuôi, hồ C19, đập Tà Cang, đập Hố Chuối, hồ Hố Chè, hồ chứa Đăk Hơ Niêng, đập Đăk Manh 1, đập Măng Rương, đập Đăk Lung, đập Chăn Nuôi, đập Bô Na Thượng, đập Đăk Blồ, đập số 1 (thôn 2), khu tưới xã kon Đào. Đặc biệt các hồ chứa C19, đập Tà Cang, đập Hố Chuối

thuộc ***xã Đăk Tô*** có nguy cơ thiếu nước cao do có diện tích tưới lớn hơn diện tích thiết kế của công trình.

- Ngoài ra, nguy cơ cao xảy ra thiếu nước cho sản xuất nông nghiệp trong mùa cạn đối với các khu vực tưới nằm ngoài phạm vi tưới của công trình thủy lợi, nguồn nước tưới phụ thuộc vào nước mưa, nước dưới đất và nước mặt trên sông, suối thuộc các ***xã Đắk Hà, Kon Đào, Ngọk Bay, Sa Bình.***

- Nguồn nước dưới đất trên tiểu vùng có tiềm năng khai thác tương đối tốt, có thể xem xét, gia tăng khai thác với quy mô công trình nhỏ đến vừa trong trường hợp cần thiết và có thể gia tăng khai thác nước dưới đất tại một số khu vực khác thuộc các xã: ***Đăk Tô, Đăk Mar*** thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

Đồng thời, trên địa bàn thuộc vùng khan hiếm nước của ***xã Đăk Tô, Ngọk Tụ, Tu Mơ Rông*** đã thực hiện điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất để cung cấp nước sinh hoạt, do đó có thể rà soát, đánh giá khả năng khai thác và thổi rửa các giếng khoan để sẵn sàng khai thác, cấp nước cho sinh hoạt của nhân dân khi xảy ra hạn hán, thiếu nước.

2.5. Tiểu vùng Hạ Sê San

- Tiểu vùng Hạ Sê San có số lượng lớn các hồ chứa thủy lợi trên lưu vực (chiếm 43%), có 06 hồ chứa có dung tích toàn bộ từ 01 triệu m^3 trở lên và các đập dâng thủy lợi phục vụ cấp nước tưới.

- Nguồn nước trong các hồ chứa trên 01 triệu m^3 như hồ Đăk Prông, Tân Sơn, Biển Hồ B, Ia Hrung đã tích được 100% dung tích toàn bộ, về cơ bản có khả năng đáp ứng các nhu cầu sử dụng nước thuộc phạm vi cấp nước.

Hồ Biển Hồ B trong thời gian từ cuối tháng 3 đến hết tháng 5 một số năm hạn hán đã phải sử dụng dung tích chết để cấp nước. Vì vậy, trong các tháng của mùa cạn năm 2027 tình trạng nắng nóng kéo dài, nhiệt độ cao làm gia tăng bốc hơi mặt nước có thể dẫn đến nguy cơ nguồn nước hồ thiếu hụt ảnh hưởng đến khả năng cấp nước cho diện tích sản xuất nông nghiệp thuộc phạm vi tưới của hồ.

Hồ Biển Hồ A là nguồn nước mặt quan trọng trên tiểu vùng phục vụ cấp nước sinh hoạt sản xuất, kinh doanh dịch vụ của các phường, xã (thuộc thành phố Pleiku trước đây) và khu vực lân cận thông qua Nhà máy nước Biển Hồ (công suất thiết kế khoảng 20.000 m^3/ngày đêm) và nhà máy nước Sài Gòn – Pleiku (công suất thiết kế khoảng 30.000 m^3/ngày đêm). Hiện tại, công suất khai thác thực tế của 2 nhà máy dao động khoảng 24.000 - 28.000 m^3/ngày đêm, với năng lực hiện tại của 2 nhà máy có khả năng đảm bảo cấp nước đủ nước theo phạm vi cấp của các nhà máy.

- Đối với diện tích tưới thuộc phạm vi tưới của một số hồ chứa, đập dâng nhỏ trong vùng có thể xảy ra nguy cơ thiếu nước, như: đập Đăk Rơ Ngao 1, Đăk Rơ Ngao 2, Đăk Sia II, Đăk Choai, Đăk Wan, Đăk Hlang, Ba ĐGốc 1, Ba ĐGốc 2, Ya Bai, Đăk San, Ya Rai 1+2, Đăk Plôm 1, Đăk Plôm 2, Đăk Car, Đăk Rơ Tim, khu tưới cuối kênh Đăk Sia II.

- Đối với các khu vực nằm ngoài phạm vi tưới của công trình thủy lợi, ***các khu vực Phường Diên Hồng, xã Gào, xã Đức Cơ, xã Ia Dơk, xã Ia Krêl, xã Ia Dom*** có diện tích cây công nghiệp (cà phê) lớn (khoảng 10.000 ha), diện tích được tưới thuộc phạm vi công trình thủy lợi chỉ chiếm khoảng 3-5% có nguy cơ thiếu nước cao trong mùa cạn.

- Nguồn nước dưới đất trên tiểu vùng có tiềm năng khai thác tương đối tốt, trong đó, một số khu vực thuộc các *xã Ia Hrung, phường Thống Nhất, Biển Hồ, Chư Păh* thuộc tỉnh Gia Lai và xã *Đăk Rơ Wa thuộc tỉnh Quảng Ngãi* có thể xem xét, gia tăng khai thác với quy mô công trình nhỏ đến vừa trong trường hợp cần thiết và có thể gia tăng khai thác nước dưới đất tại một số khu vực khác thuộc các xã: *Gào, Ia Dơk, Ia O, Ia Chia, Ia Dom, Ia Krái, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai*.

Ngoài ra, trên địa bàn thuộc vùng khan hiếm nước của ***xã Sa Nghĩa*** đã thực hiện điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất để cung cấp nước sinh hoạt, do đó có thể rà soát, đánh giá khả năng khai thác và thổi rửa các giếng khoan để sẵn sàng khai thác, cấp nước cho sinh hoạt của nhân dân khi xảy ra hạn hán, thiếu nước.

2.6. Tiểu vùng Sa Thầy

- Toàn vùng có số lượng các công trình hồ chứa, đập dâng ít nhất trên lưu vực, các hồ chứa đều có dung tích dưới 1 triệu m^3. Hiện trạng nguồn nước trong các hồ chứa thủy lợi có khả năng đáp ứng được nhu cầu sử dụng theo phạm vi.

Tuy nhiên, nguy cơ cao xảy ra thiếu nước cho sản xuất nông nghiệp trong mùa cạn đối với các khu vực tưới nằm ngoài phạm vi tưới của công trình thủy lợi, nguồn nước tưới phụ thuộc vào nước mưa, nước dưới đất và nước mặt trên sông thuộc địa bàn các xã ***Ia Đal, Mô Rai, tỉnh Quảng Ngãi***.

- Nguồn nước dưới đất có tiềm năng khai thác tương đối hạn chế, tuy nhiên có thể khai thác với quy mô nhỏ trong các TCN để bổ sung, phục vụ cấp nước sinh hoạt, sản xuất cho người dân tại các xã có nguy cơ thiếu nước nêu trên. Ngoài ra, trên địa bàn thuộc vùng khan hiếm nước của ***xã Ia Đal*** đã thực hiện điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất để cung cấp nước sinh hoạt, do đó có thể rà soát, đánh giá khả năng khai thác và thổi rửa các giếng khoan để sẵn sàng khai thác, cấp nước cho sinh hoạt của nhân dân khi xảy ra hạn hán, thiếu nước.

3. Nhận định tổng thể trạng thái của nguồn nước trên lưu vực sông

- Nguồn nước các hồ chứa lớn, quan trọng, nguồn nước các sông trên các tiểu vùng ở **Trạng thái thiếu nước** [14]**,** lượng nước có thể khai thác đảm bảo đủ cho các nhu cầu sinh hoạt, an sinh xã hội, nhưng **không thể đáp ứng đầy đủ lượng nước cho các mục đích sử dụng**, yêu cầu dòng chảy ở hạ du sông Sê San, đặc biệt t**rong các tháng dự báo xảy ra nắng nóng diện rộng, lượng nước về các hồ chứa thiếu hụt so với TBTK hoặc gia tăng nhu cầu nước cho phát điện (từ tháng 4-6)** để đảm bảo an ninh năng lượng và khi thiếu hụt các nguồn điện khác, trong đó:

(i) Nguồn nước của 03 hồ Ialy, Pleikrông, Sê San 4 và các hệ thống hồ chứa thủy điện trên dòng chính sông Sê San ***không thể đáp ứng đầy đủ cho nhu cầu phát điện***, ***yêu cầu duy trì dòng chảy hạ du sông Sê San với lưu lượng không nhỏ hơn 195 m^3/s trong suốt thời gian mùa cạn***.

(ii) Nguồn nước trên ***đa số các tiểu vùng không đáp ứng đủ, có nguy cơ thiếu nước rất cao*** cho các hoạt động sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp trong khoảng thời gian vụ Đông Xuân từ tháng 1 đến tháng 3 là thời kỳ dùng nước nhiều nhất và cũng là thời kỳ cao điểm của mùa khô trên lưu vực, nhiều khu vực có nguy thiếu nước sản xuất, đặc biệt là các khu vực nằm ngoài phạm vi tưới của các công trình thủy lợi, nhiều diện tích đất nông nghiệp, nhất là diện tích trồng cây công nghiệp có giá trị kinh tế (tiêu, cà phê) ở các tiểu vùng Hạ Đăk Bla, Thượng Sê San và Hạ Sê San. Từ tháng 5 trở đi bước vào thời kỳ mùa mưa, nguồn nước trên lưu vực bớt căng thẳng hơn giai đoạn trước, tuy nhiên nguy cơ thiếu nước phục vụ sản xuất đầu vụ Hè Thu vẫn còn hiện hữu do nguồn nước trên sông, suối và lượng trữ trong các hồ chứa đã ở trạng thái cạn kiệt, đặc biệt là nguồn nước tại các đập dâng, hồ chứa thủy lợi nhỏ.

Bên cạnh nguyên nhân do thiếu hụt lượng mưa, điều kiện lấy nước không đảm bảo, số lượng của các công trình khai thác, công trình thủy lợi còn thiếu, quy mô nhỏ, chưa được đầu tư hoàn chỉnh hoặc xuống cấp cũng làm gia tăng nguy cơ thiếu hụt nguồn nước cấp cho các mục đích khai thác, sử dụng nước.

- Đối với nguồn nước dưới đất: từ tháng 11/2026-6/2027 cơ bản ở Trạng thái ổn định đảm bảo khả năng cấp nước cho các công trình khai thác nước dưới đất hiện có (CTKT NDĐ) trên toàn lưu vực. Trên lưu vực đã thực hiện điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất để cung cấp nước sinh hoạt, do đó có thể rà soát, đánh giá khả năng khai thác và thổi rửa các giếng khoan để sẵn sàng khai thác, cấp nước cho sinh hoạt của nhân dân khi xảy ra hạn hán, thiếu nước.

---

[14] Khoản 1 Điều 42 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.

Tùy thuộc vào mức độ bổ cập tự nhiên, phân bố khai thác tập trung, chế độ vận hành khai thác mà mức độ đáp ứng nguồn nước về số lượng và chất lượng tại các khu vực sẽ khác nhau.

Tuy nhiên, đây không phải nguồn nước có thể bơm hút ngay để khai thác như nguồn nước mặt ở trên sông mà cần phải thăm dò, đánh giá trữ lượng, chất lượng trước khi quyết định xây dựng công trình khai thác.

V. KIẾN NGHỊ

Nguồn nước trên lưu vực trong kỳ công bố kịch bản được nhận định ở **Trạng thái thiếu nước,** nguồn nước trong các sông, suối, hồ chứa, tầng chứa nước ***có khả năng không đảm bảo cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất, an ninh năng lượng, yêu cầu duy trì dòng chảy ở hạ lưu sông Sê San phía Campuchia***.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề nghị các Bộ, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan nghiên cứu nội dung, giải pháp tại Báo cáo số 10411/BC-BNNMT ngày 12/9/2026 về nguy cơ thiếu hụt nguồn nước do ảnh hưởng của El Niño, đề xuất các giải pháp ứng phó nhằm đảm bảo nước sinh hoạt và nhu cầu nước cho các hoạt động kinh tế - xã hội năm 2027 và góp phần bảo đảm an ninh lương thực, an ninh năng lượng và Văn bản số 11518/BTNMT-TNN ngày 07/10/2026 về việc chủ động thực hiện các giải pháp ứng phó nguy cơ thiếu hụt nguồn nước cấp cho sinh hoạt, các hoạt động phát triển KT-XH do ảnh hưởng của El Niño trên các địa phương thuộc lưu vực sông Sê San và các nội dung sau:

1. Khẩn trương xây dựng Kế hoạch khai thác, sử dụng nước

Đề nghị Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng và UBND cấp tỉnh trên LVS, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao, khẩn trương chỉ đạo việc chủ động lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước [15] trên nguyên tắc tiết kiệm nước, tránh thất thoát, lãng phí, dự phòng nguy cơ xảy ra hạn hán thiếu nước trong các tháng cuối mùa cạn, trong đó đặc biệt lưu ý đến các tiểu vùng cảnh báo nguy cơ hạn hán, thiếu nước tại Phụ lục IV.

Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong việc xây dựng, triển khai thực hiện phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước[16] phù hợp với hiện trạng và diễn biến tình hình thời tiết, nguồn nước trên lưu vực trong thời gian tới, đặc biệt là hệ thống hồ chứa lớn trên dòng chính sông Sê San liên quan đến vấn đề đảm bảo an ninh năng lượng và duy trì dòng chảy ở hạ du phía Campuchia.

---

[15] Khoản 6 Điều 35 Luật Tài nguyên nước và khoản 2 Điều 43 Nghị định số 53/NĐ-CP;
[16] Điều 36 Luật Tài nguyên nước

2. Rà soát, điều chỉnh chế độ vận hành điều tiết xả nước của các hồ chứa theo hướng linh hoạt trong từng thời kỳ: thực hiện đồng bộ các giải pháp để giữ nước phục vụ nhu cầu gia tăng phát điện giai đoạn nắng nóng cao điểm. Trong đó, đề nghị Bộ Công Thương:

- Chỉ đạo việc tính toán, đề xuất vận hành linh hoạt các hồ chứa thủy điện lớn phù hợp với KBNN được công bố;

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng phương án điều hòa phân phối trên lưu vực sông, đặc biệt là các hồ chứa Ialy, PleiKrông và Sê San 4. Đồng thời, xây dựng kế hoạch vận hành các hồ chứa thủy điện đáp ứng nhu cầu nước sử dụng nước ở hạ du các hồ chứa trên cơ sở tuân thủ quy định của Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực, khả năng của nguồn nước và phương án điều hòa phân phối nguồn nước;

- Trường hợp các hồ phải điều chỉnh giảm lưu lượng xả về hạ du sông Sê San, phối hợp chặt chẽ với Ủy ban sông Mê Công Việt Nam đảm bảo thông tin kịp thời cho các cơ quan liên quan của Campuchia để có ứng xử cần thiết, hạn chế tối đa biến động đến chế độ thủy văn, tài nguyên nước, môi trường sinh thái và các hoạt động khai thác, sử dụng nước ở hạ du phía Campuchia.

- Xây dựng phương án, kế hoạch sử dụng các nguồn năng lượng từ nhiệt điện than, thủy điện, điện mặt trời, tuabin khí, điện gió, nhiệt điện dầu và các nguồn năng lượng khác để tránh rủi ro thiếu hụt nguồn điện, đảm bảo an ninh năng lượng.

3. Đối với Ủy ban nhân dân các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai

a) Đảm bảo an ninh nước cấp cho sinh hoạt

- Khẩn trương xây dựng kế hoạch vận hành ưu tiên dung tích để bảo đảm nguồn nước cấp cho sinh hoạt, các nhu cầu thiết yếu trong suốt thời gian mùa cạn, trong đó đặc biệt lưu ý hồ Biển Hồ A là nguồn cấp nước quan trọng cho Nhà máy nước Biển Hồ (công suất thiết kế khoảng 20.000 m^3/ngày đêm) và nhà máy nước Sài Gòn – Pleiku (công suất thiết kế khoảng 30.000 m^3/ngày đêm).

- Ưu tiên bảo đảm nguồn nước cấp cho sinh hoạt từ các hồ chứa thủy lợi, thủy điện trên LVS như: hồ thủy điện PleiKrông, Ialy, Sê San 4; các hồ, đập thủy lợi Đăk Tráp, Lạc Long Quân, Đăk Rơn Ga, Đăk Chà Mòn 1, Đăk Long, Đăk Rô Gia, Ia Tun, Đập Đăk Cấm, Đăk Pokei, Ya Hiur, Đăk Uy thuộc tỉnh Quảng Ngãi và Biển Hồ A thuộc tỉnh Gia Lai.

- Khẩn trương hoàn thiện hạ tầng cấp nước, chuẩn bị phương án sẵn sàng để khai thác nước tại công trình cấp nước sinh hoạt huyện Chư Păh, công suất 1200 m^3/ngày đêm khai thác nguồn nước hồ Ialy, Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung xã Ia O, công suất 1000 m^3/ngày đêm khai thác nguồn nước hồ Sê San 4.

- Chỉ đạo rà soát các nhà máy nước, công trình cấp nước tập trung có nguy cơ thiếu nguồn nước thô hoặc phải giảm công suất; xác định nhu cầu cấp nước sinh hoạt thiết yếu, khả năng duy trì cấp nước, nguồn và công suất dự phòng; tổ chức huy động nguồn cấp thay thế, kết nối, hỗ trợ giữa các hệ thống cấp nước khi cần thiết; chỉ đạo các đơn vị cấp nước có trách nhiệm chủ động xây dựng phương án vận hành, kịp thời báo cáo tình hình nguồn nước, nguy cơ gián đoạn cấp nước và đề xuất biện pháp xử lý.

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn và đơn vị cấp nước rà soát các công trình cấp nước sinh hoạt khai thác nguồn nước tại hạ du hồ chứa có nguy cơ bị ảnh hưởng khi dòng chảy suy giảm; xác định nhu cầu, thời điểm lấy nước, khả năng duy trì cấp nước và nguồn dự phòng; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp với đơn vị quản lý, vận hành hồ chứa để trao đổi thông tin, thống nhất kế hoạch lấy nước và đề xuất phương án điều tiết nguồn nước phù hợp với quy trình vận hành hồ chứa, ưu tiên bảo đảm cấp nước sinh hoạt.

b) Đối với các tiểu vùng cảnh báo có nguy cơ hạn hán, thiếu nước tại Phụ lục IV

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến nguồn nước để có biện pháp chủ động ứng phó phù hợp như: rà soát, cắt giảm diện tích canh tác, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, hạn chế phân phối tài nguyên nước cho các hoạt động sử dụng nhiều nước và chưa cấp thiết; ưu tiên nguồn nước cho sinh hoạt và cây trồng có giá trị kinh tế cao; quyết định sử dụng các nguồn nước mặt, nước dưới đất và các công trình cấp nước dự phòng trên địa bàn…[17].

- Tiếp tục chỉ đạo rà soát, điều chỉnh, kiểm soát chặt chẽ chế độ vận hành cấp nước của các hồ chứa thủy lợi theo nhu cầu nước thực tế, để sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước, nâng cao hiệu quả tích nước các tháng cuối năm 2026, đầu năm 2027 trong bối cảnh thiếu hụt lượng mưa, đặc biệt là các hồ có dung tích nhỏ, dưới 1 triệu m^3.

- Đối với các trạm bơm điện khai thác nguồn nước trên sông, suối, hạ lưu các hồ chứa cần có giải pháp để nâng cao mực nước dẫn vào bể hút của trạm bơm như: đắp đập tạm, kéo dài tuyến ống dẫn nước, hạ thấp cao trình bể hút của trạm bơm, nạo vét, khơi thông dòng chảy vào bể hút. Đồng thời chủ động bơm khi các nhà máy thủy điện phía thượng lưu vận hành xả nước phát điện để tăng hiệu suất bơm tưới.

- Tăng cường khai thác nước dưới đất, nhất là để phục tưới cho các cây công nghiệp tại các địa phương có nguồn nước cấp từ các hồ, sông suối hạn chế, trong đó lưu ý việc khai thác, gắn liền với bảo vệ nước dưới đất theo quy định.

---

[17] Điểm c khoản 4 Điều 45 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP;

- Chỉ đạo rà soát diện tích canh tác vùng bán ngập hồ Ialy, có kế hoạch sử dụng hiệu quả diện tích canh tác vùng bán ngập lòng hồ, giám sát chặt chẽ việc sử dụng đất vùng bán ngập lòng hồ đảm bảo cao trình canh tác phù hợp để nâng cao dung tích trữ của hồ chứa Ialy (trên cao trình 512m trong thời gian 16/02-15/5) góp phần đảm bảo nguồn nước chung cho lưu vực.

Đồng thời, điều chỉnh kế hoạch khai thác, cấp nước tưới của các trạm bơm điện (Đăk Lếch, Vinh Quang, Tà Wắc, Măng La, Tà Rộp) bảo đảm an toàn, phù hợp với chế độ vận hành của hồ chứa Ialy.

- Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn triển khai thực hiện các biện pháp phòng chống hạn hán, thiếu nước cho các địa phương trên từng tiểu vùng của lưu vực.

4. Các đơn vị chức năng thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường

a) Cục Quản lý tài nguyên nước:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng thuộc Bộ tính toán, cập nhật và trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định việc cập nhật KBNN trong trường hợp xảy ra diễn biến bất thường về khí tượng, thủy văn hoặc phát sinh các yêu cầu đối với nguồn nước nhằm đảm bảo an ninh nguồn nước cấp cho sinh hoạt, an ninh lương thực, an ninh năng lượng.

- Định kỳ hằng tháng trong mùa cạn năm 2026-2027, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường về hiện trạng nguồn nước, đánh giá trạng thái nguồn nước và tình hình triển khai KBNN đã công bố.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng, cập nhật và tổ chức thực hiện phương án điều hoà, phân phối tài nguyên nước. Đồng thời, triển khai các hoạt động điều hòa, phân phối tài nguyên nước tương ứng với trạng thái nguồn nước và mức độ chuyển trạng thái nguồn nước.

b) Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi:

- Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện điều hòa, phân phối nước và tổ chức thực hiện xây dựng kế hoạch sử dụng nước trong hệ thống công trình thủy lợi phục vụ sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp và các ngành kinh tế khác[18] phù hợp với diễn biến nguồn nước và nguy cơ hạn hán trong mùa cạn năm 2026–2027.

- Hướng dẫn các địa phương chủ động tích trữ nước từ đầu mùa cạn, điều tiết tiết kiệm, nâng cao hiệu quả sử dụng nước trong các hệ thống thủy lợi; ưu tiên bảo đảm nguồn nước phục vụ sinh hoạt và các vùng sản xuất nông nghiệp có giá trị kinh tế cao.

[18] Điểm b khoản 2 Điều 36 và điểm c khoản 2 Điều 84 Luật Tài nguyên nước.

- Hướng dẫn, đôn đốc các địa phương rà soát, xây dựng phương án cấp nước an toàn khu vực nông thôn, đặc biệt tại các vùng xa nguồn nước và các địa bàn thường xuyên chịu ảnh hưởng của hạn hán, thiếu nước.

c) Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Cục Chăn nuôi và Thú y theo chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện cơ cấu mùa vụ, cây trồng, vật nuôi phù hợp với KBNN[19].Cụ thể:

- Chỉ đạo, phối hợp với Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, hướng dẫn các địa phương rà soát, cơ cấu mùa vụ, cây trồng, vật nuôi phù hợp với khả năng đáp ứng của nguồn nước theo Kịch bản nguồn nước đã công bố và phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước quy định tại Điều 35 và Điều 36 của Luật Tài nguyên nước năm 2023[20]; đặc biệt là rà soát, điều chỉnh cơ cấu cây trồng, lịch sản xuất vụ Đông Xuân, Hè Thu và vật nuôi tại các vùng, khu vực được cảnh báo có nguy cơ hạn hán, thiếu nước tại Phụ lục IV.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương áp dụng các biện pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm, hiệu quả, quản lý độ ẩm đất, giảm tổn thất nước trong sản xuất nông nghiệp; hạn chế mở rộng diện tích sản xuất tại các khu vực chưa bảo đảm nguồn nước.

d) Cục Khí tượng thủy văn

Theo dõi, cập nhật bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; tăng cường dự báo, cảnh báo cho các khu vực, vùng có nguy cơ xảy ra hạn hán, thiếu nước đã được nhận định trong KBNN[21]; chú trọng dự báo, cảnh báo sớm thời kỳ dòng chảy suy giảm mạnh và các khu vực có nguy cơ thiếu nước để phục vụ công tác điều hành, khai thác, sử dụng nguồn nước.

đ) Văn phòng Thường trực Ủy ban sông Mê Công Việt Nam

Phối hợp với Bộ Công Thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các Chủ hồ thực hiện việc chia sẻ thông tin và thông báo kịp thời thông tin về vận hành và xả nước về hạ du sông Sê San cho các cơ quan chức năng của Campuchia để có ứng xử cần thiết, phù hợp với tình hình hạn hán, thiếu nước và các yêu cầu về đảm bảo an ninh nguồn nước, an ninh năng lượng trên lưu vực.

[19] Điểm b khoản 2 Điều 44 Luật Tài nguyên nước năm 2023
[20] Điều 44 Luật Tài nguyên nước
[21] Khoản 4 Điều 35 Luật Tài nguyên nước

Phụ lục I

PHẠM VI XÂY DỰNG KỊCH BẢN

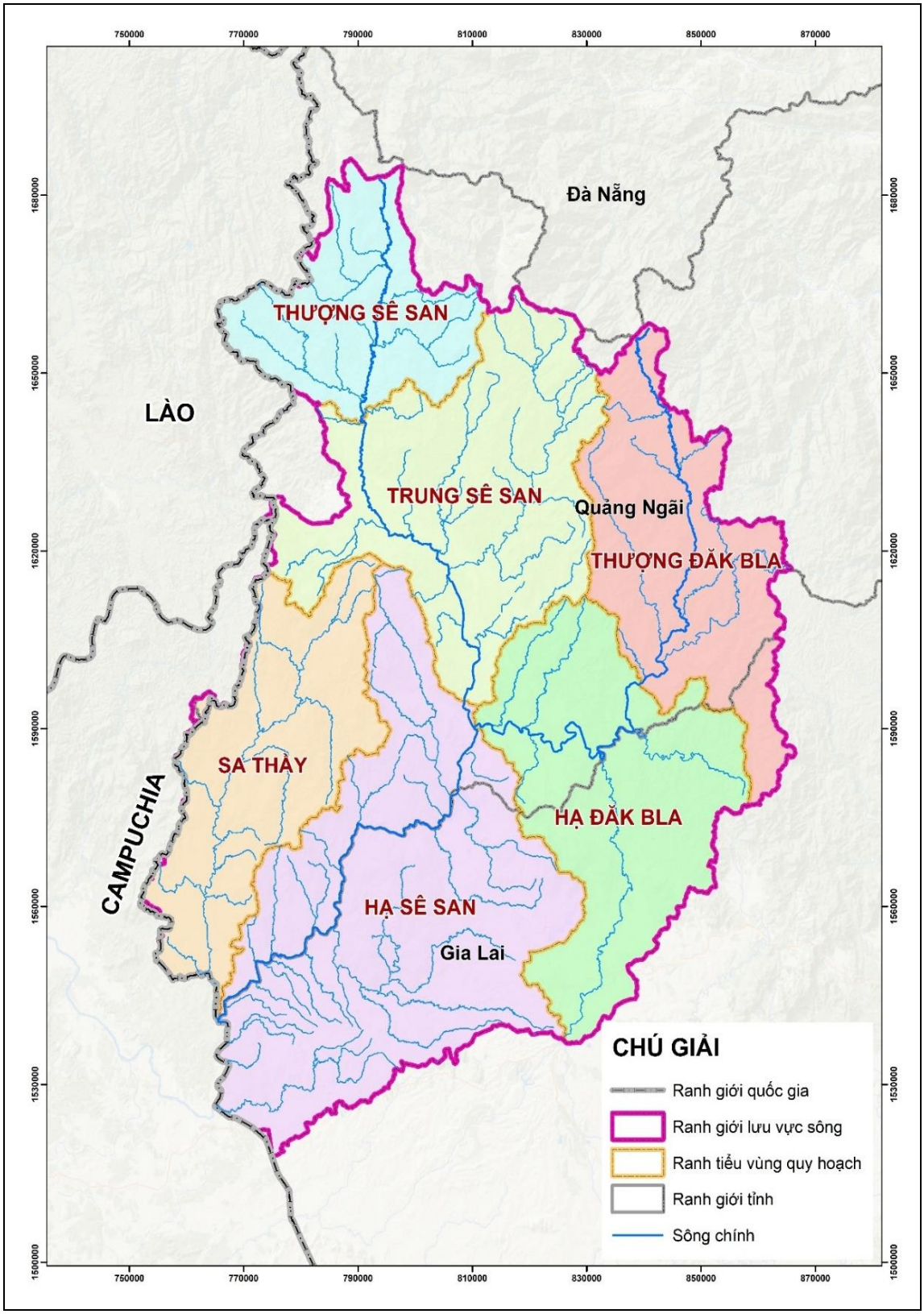
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Tiểu vùng	Phạm vi hành chính (tỉnh/xã/phường)	Diện tích (km^2)
1	Thượng Đắk Bla	***Gia Lai*** (Đak Sơ Mei, Đăk Rong) ***Quảng Ngãi*** (Đăk Rve, Kon Braih, Đăk Pxi, Măng Ri, Măng Đen, Đăk Kôi, Măng Bút)	1.514
2	Hạ Đắk Bla	***Gia Lai*** (Ia Hrung, Mang Yang, An Phú, Pleiku, Thống Nhất, Biển Hồ, Đak Sơ Mei, Đăk Rong, Ia Khươl, Diên Hồng, Đak Đoa, Ia Băng, K'Dang, Hội Phú, Chư Păh, Kon Gang) ***Quảng Ngãi*** (Đăk Rve, Đắk Bla, Đăk Hà, Đăk Rơ Wa, Kon Tum, Đăk Cấm, Ngọk Bay, Đăk Ui, Ngọk Réo, Kon Braih, Ia Chim, Đăk Kôi)	1.886
3	Thượng Sê San	***Quảng Ngãi*** (Xốp, Đăk Pék, Đăk Sao, Măng Ri, Đăk Plô, Đăk Môn, Đăk Tờ Kan, Dục Nông, Đăk Long)	1.051
4	Trung Sê San	***Quảng Ngãi*** (Đăk Hà, Bờ Y, Đăk Mar, Kon Đào, Ngọk Bay, Đăk Sao, Đăk Ui, Đăk Pxi, Sa Loong, Măng Ri, Ngọk Tụ, Tu Mơ Rông, Đăk Kôi, Đăk Tờ Kan, Sa Bình, Đăk Tô, Dục Nông)	2.361
5	Hạ Sê San	***Gia Lai*** (Ia Phí, Ia O, Ia Krái, Ia Ly, Ia Hrung, Ia Chia, Ia Dơk, Ia Nan, Ia Dom, Thống Nhất, Biển Hồ, Ia Krêl, Đức Cơ, Gào, Ia Grai, Ia Khươl, Diên Hồng, Hội Phú, Chư Păh) ***Quảng Ngãi*** (Ia Tơi, Sa Thầy, Đăk Rơ Wa, Ngọk Bay, Sa Loong, Ia Chim, Rờ Kơi, Ya Ly, Mô Rai, Sa Bình)	3.132
6	Sa Thầy	***Quảng Ngãi*** (Ia Tơi, Sa Thầy, Sa Loong, Rờ Kơi, Ia Đal, Ya Ly, Mô Rai)	1.504
	Tổng cộng		**11.450**

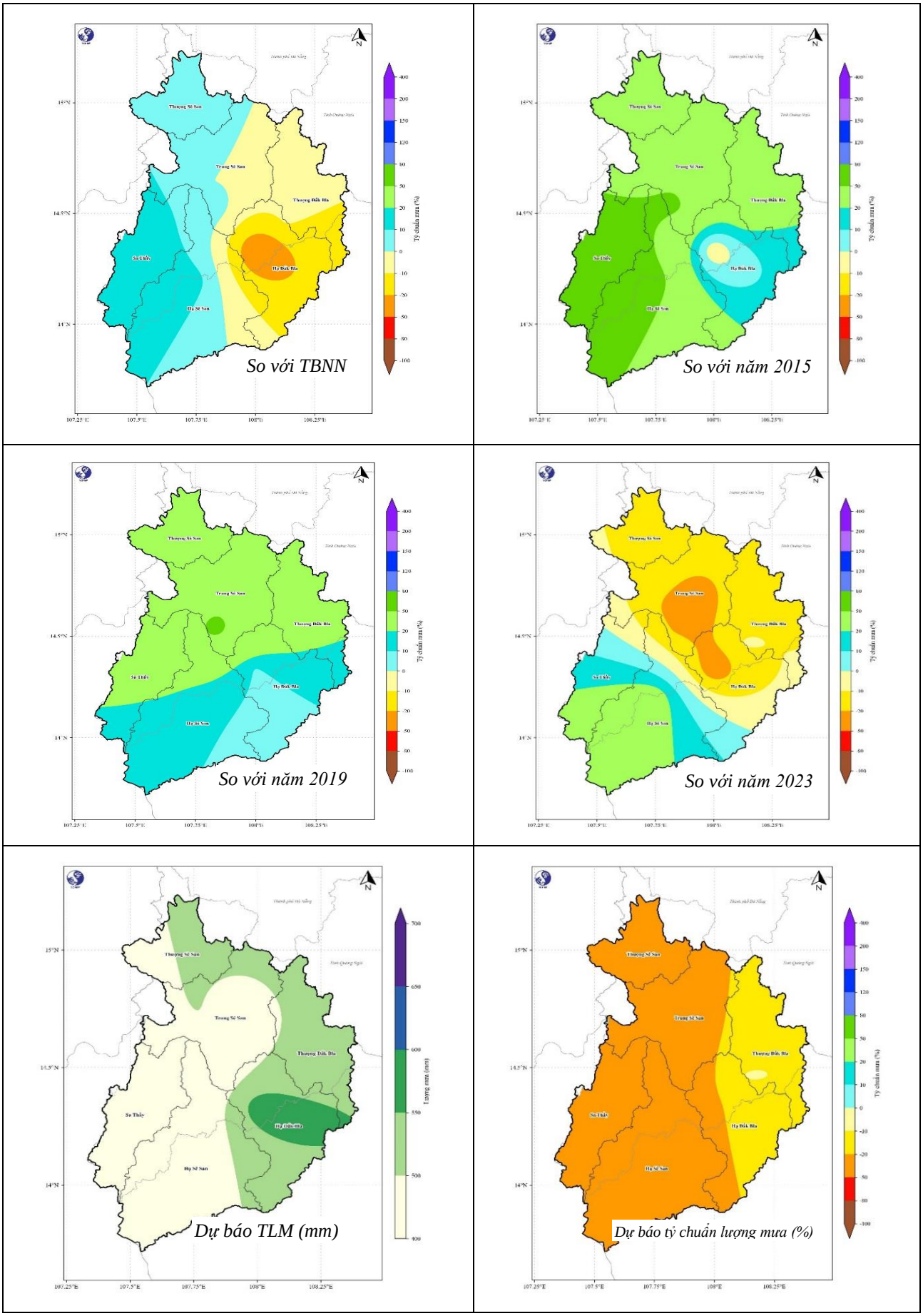
Phụ lục II

CÁC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ KÈM THEO KỊCH BẢN

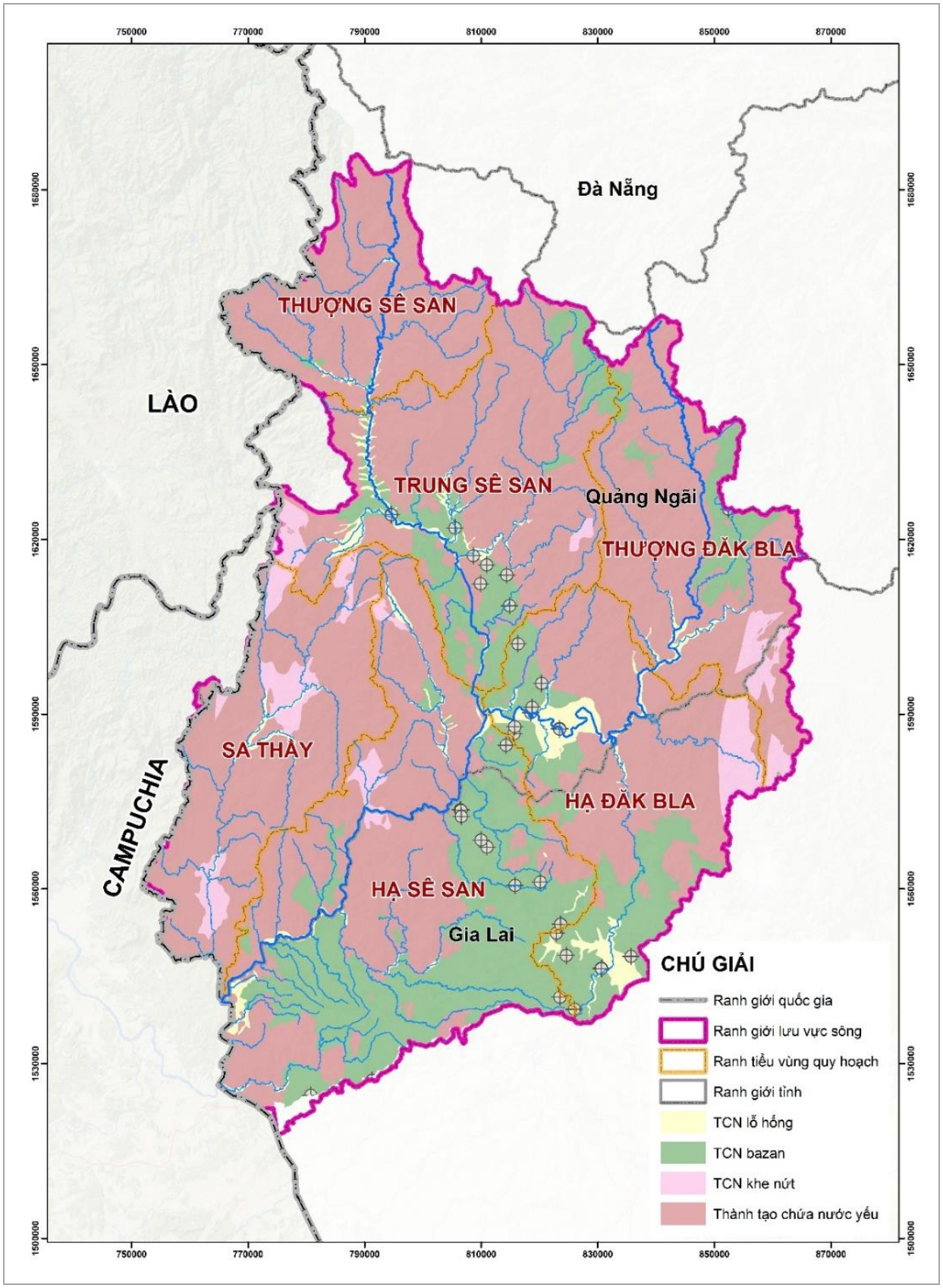
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)



Hình 1. Sơ đồ phạm vi xây dựng KBNN trên LVS Sê San



Hình 2. So sánh TLM giai đoạn tháng 8-10/2026 so với cùng kỳ các năm và dự báo TLM giai đoạn 11/2026-6/2027



Hình 3. Sơ đồ phân bố TCN và công trình quan trắc NDĐ trên LVS Sê San

Phụ lục III

DANH SÁCH HỒ CHỨA THỦY LỢI

(Quy mô dung tích toàn bộ từ 1 triệu m^3 trở lên)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Tên hồ	Vị trí hành chính		Thuộc tiểu vùng	Mực nước hồ		Dung tích hồ ($tr.m^3$)		Dung tích trữ ngày 15/11/2026 ($tr.m^3$)	Tỷ lệ hiện tại so với thiết kế (%)
		Xã, phường	Tỉnh		MNDBT	MNC	Toàn bộ	Hữu ích		
1	Đăk Kan	Sa Loong	Quảng Ngãi	Trung Sê San	648	644	1,771	1,387	1,803	102%
2	Đăk Loh	Ngọk Réo	Quảng Ngãi	Hạ Đắk Bla	623,5	618	4,0	2,7	3,99	100%
3	Đăk Uy	Đăk Ui	Quảng Ngãi	Trung Sê San	640,3	625	29,63	25,84	29,63	100%
4	Đăk Yên	Đăk Rơ Wa	Quảng Ngãi	Hạ Đắk Bla	556,7	544	6,33	5,95	6,043	95%
5	Đăk Rơn Ga	Đăk Tô	Quảng Ngãi	Trung Sê San	614,05	609	6,552	4,032	6,396	97%
6	Ia Bang Thượng	Đăk Rơ Wa	Quảng Ngãi	Hạ Đắk Bla	628,14	619	1,879	1,85	1,878	100%
7	Đăk Chà Mòn I	Đăk Rơ Wa	Quảng Ngãi	Hạ Đắk Bla	564,3	554	1,46	1,38	1,466	100%
8	Đăk Loy	Phường Đăk Cấm	Quảng Ngãi	Hạ Đắk Bla	646,4	645	1,481	1,054	1,489	101%
9	Hồ 6A	Đăk Mar	Quảng Ngãi	Trung Sê San	638,2	631	1,73	1,55	1,730	100%
10	Đăk Trít	Đăk Hà	Quảng Ngãi	Hạ Đắk Bla	572,18	566	1,3	1,112	1,301	100%
11	Đăk Hơ Niêng	Bờ Y	Quảng Ngãi	Trung Sê San	665,05	662	1,458	1,025	1,458	100%
12	Cà Sâm	Đăk Hà	Quảng Ngãi	Hạ Đắk Bla	560	553	1,28	1,22	1,296	100%
13	Đăk Prông	Sa Bình	Quảng Ngãi	Hạ Sê San	546	537	1,57	1,49	1,570	101%
14	Đăk Prông	Đăk Ui	Quảng Ngãi	Trung Sê San	709,6	699	1,924	1,814	1,927	100%
15	Đăk Trang	Đăk Tờ Kan	Quảng Ngãi	Trung Sê San	808,93	788	1,03	1,02	941,1	91%
16	Đăk Sa Men	Ngọk Bay	Quảng Ngãi	Hạ Đắk Bla	531	526	1,06	1	1,060	100%
17	Đăk Hơ Na	Dục Nông	Quảng Ngãi	Trung Sê San	657,6	652	1,009	0,78	1,014	101%
18	Tân Sơn	Biển Hồ	Gia Lai	Hạ Sê San	780,5	765	4,4	4,25	4,42	101%
19	Biển Hồ B	Biển Hồ	Gia Lai	Hạ Sê San	745	738	12,4	10,09	12,84	103%
20	Ia Hrung	Ia Hrung	Gia Lai	Hạ Sê San	629,7	623	2,09	1,58	2,09	100%
21	Đak Sơ Mei	Đăk Sơmei	Gia Lai	Hạ Đắk Bla	632,2	623	3,377	2,952	3,377	
22	Ia Pếch	Ia Krái	Gia Lai	Hạ Sê San	-	-	2,39	-	2,39	
23	Ia Zan	Ia Dơk	Gia Lai	Hạ Sê San	-	-	1,0	-	1,0	

Ghi chú: "-" các hồ không có dữ liệu

Phụ lục IV
CÁC VÙNG, KHU VỰC CÓ NGUY CƠ THIẾU NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Tiểu vùng	Tỉnh	Xã, phường
1	Thượng Đắk Bla	Quảng Ngãi	Kon Braih, Đak Rve, Đăk Kôi
2	Hạ Đắk Bla	Quảng Ngãi	Kon Braih, xã Ia Khươl, Ngọk Réo, Đăk Rơ Wa, Ngọk Bay, phường Đăk Bla, Ia Chim, Đăk Cấm
		Gia Lai	Phường Thống Nhất, phường An Phú, phường Pleiku, phường Hội Phú, xã Biển Hồ, xã Đak Đoa, xã Kon Gang, xã Ia Băng, xã Kdang, xã Đak Sơmei
3	Thượng Sê San	Quảng Ngãi	Đăk Long, Đăk Môn, Đăk Sao, xã Xốp, Đăk Plô, Đăk Pék
4	Trung Sê San	Quảng Ngãi	Kon Đào, Đắk Tô, Đắk Hà, Ngọk Bay, Sa Bình
5	Hạ Sê San	Quảng Ngãi	Phường Diên Hồng, xã Gào, xã Đức Cơ, xã Ia Dơk, xã Ia Krêl, xã Ia Dom
6	Sa Thầy	Quảng Ngãi	Ia Đal, Mô Rai

MỤC LỤC

I. HIỆN TRẠNG NGUỒN NƯỚC 1
1. Hiện trạng nguồn nước mưa, nước mặt 1
2. Hiện trạng nguồn nước dưới đất 2
3. Hiện trạng tích nước của các hồ chứa 2

II. DỰ BÁO XU THẾ DIỄN BIẾN MƯA, DÒNG CHẢY, LƯỢNG NƯỚC TÍCH TRỮ TRONG CÁC HỒ CHỨA NƯỚC LỚN, QUAN TRỌNG; MỰC NƯỚC TRONG CÁC TẦNG CHỨA NƯỚC 4
1. Xu thế thời tiết 4
2. Xu thế diễn biến lượng mưa, dòng chảy 5
3. Mực nước trong các tầng chứa nước dưới đất 5

III. NHU CẦU KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC CỦA CÁC NGÀNH TRONG KỲ CÔNG BỐ KỊCH BẢN 6
1. Nhu cầu nước cho sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh - dịch vụ 6
2. Nhu cầu nước cho nông nghiệp 6
3. Nhu cầu nước cho thủy điện 7
4. Mối liên hệ giữa các nhu cầu sử dụng nước với việc điều tiết nước của các hồ chứa thủy điện lớn trên lưu vực 7

IV. NHẬN ĐỊNH TRẠNG THÁI CỦA NGUỒN NƯỚC 9
1. Đối với 03 hồ chứa thuỷ điện lớn trên lưu vực 9
2. Đối với các tiểu vùng trên lưu vực sông Sê San 11
3. Nhận định tổng thể trạng thái của nguồn nước trên lưu vực sông 17

V. KIẾN NGHỊ 18
Phụ lục I **1**
Phụ lục II **2**
Phụ lục III **5**
Phụ lục IV ..... Error! Bookmark not defined.